

A top-down view of a wooden desk. In the top left, a portion of a white laptop is visible, showing keys like 'enter', 'return', 'shift', 'alt', and 'option'. In the top right, a white cup filled with dark coffee sits. Two yellow pencils with pink erasers are positioned diagonally on the right side of the desk. The wood grain of the desk is clearly visible.

CỘNG ĐỒNG ÔN THI TOEIC BÁCH KHOA

GIẢI 10 ĐỀ THI TOEIC BÁCH KHOA

**GIẢI NGHĨA + DỊCH CHI TIẾT PART 5, 6
ĐÁP ÁN PART 7**

**Tham gia cộng đồng để nhận tài liệu miễn phí
và luyện tập hàng ngày tại bit.ly/toeicbachkhoa**

LỜI NÓI ĐẦU

Chào các bạn, mình là Trường, admin group CỘNG ĐỒNG ÔN THI TOEIC BÁCH KHOA.

Nhiều bạn bạn muốn thi lấy chứng chỉ Toeic vì những mục đích khác nhau nhưng lại chưa biết phải bắt đầu từ đâu và làm thế nào. Thực tế là có nhiều group và các anh chị chia sẻ các bộ đề và đáp án, tuy nhiên hiếm khi có giải và dịch nghĩa chi tiết. Mình cũng từng là người ôn thi và đi thi trước các bạn, cho nên mình hiểu được những khó khăn mà các bạn đang gặp phải. Do đó mình quyết định tổng hợp và chia sẻ những kinh nghiệm mà mình tích lũy được trong quá trình ôn thi qua cuốn ebook này để giúp các bạn tự học dễ dàng hơn.

Trước khi sử dụng, mình muốn các bạn lưu ý một số điều sau:

1. Đây không phải là một quyển ngữ pháp, chỉ là một quyển chữa đề Part 5 và 6 trong bộ 10 đề thi tại CFL.
2. Trong các phần giải thích, đôi khi mình có chia sẻ một số thủ thuật làm bài. Các thủ thuật này dựa trên kinh nghiệm nên nếu đề thi khó, bạn vẫn có thể không áp dụng được. Cách tốt nhất là bạn vẫn nên học từ vựng, ngữ pháp để hiểu toàn bộ câu, còn mẹo thì chỉ dành cho bạn nào thi cấp tốc thôi nhé!
3. Bất kì điểm ngữ pháp nào trong tiếng Anh cũng chỉ đúng 95%, vẫn có những ngoại lệ. Nếu bạn gặp bất kì trường hợp nào không đúng với lí thuyết trong sách hoặc chỗ nào không hiểu/phát hiện sai sót, bạn vui lòng gửi về group: [CỘNG ĐỒNG ÔN THI TOEIC BÁCH KHOA](#) hoặc gửi về [trang cá nhân](#) của mình. Mình xin chân thành cảm ơn các bạn và mong các bạn thông cảm nếu có sai sót xảy ra. Mọi góp ý của các bạn sẽ giúp cuốn ebook này hoàn thiện hơn.
4. Các câu mà mình dịch nghĩa trong đây đều được ghi là “Tạm dịch”, nghĩa là mình chỉ dịch để phục vụ mục đích làm bài. Còn nếu để dịch chính xác nhất thì phải cần những bạn biên dịch cơ ^^ Cho nên nếu có từ nào mình dịch sai, mong các bạn góp ý với mình nhé!

Mình cũng sẽ biên soạn thêm nhiều tài liệu giải đề nữa, hi vọng nó sẽ có ích cho các bạn! Hãy tham gia group để nhận những tài liệu này và luyện tập mỗi ngày nhé.

Chúc các bạn có điểm số thật cao! Khi nào đạt điểm mong muốn thì mong các bạn báo với mình nha ^^

MỤC LỤC

TEST 1	1
TEST 2	14
TEST 3	27
TEST 4	39
TEST 5	52
TEST 6	65
TEST 7	78
TEST 8	90
TEST 9	101
TEST 10	112
ĐÁP ÁN PART 7.....	124

TEST 1

101. C

Phân tích: Sau chỗ trống là cụm danh từ “power maintenance in the building”

→ chọn một giới từ phù hợp nghĩa → chọn Due to (bởi vì).

Tạm dịch: Bởi vì sự bảo trì hệ thống điện trong tòa nhà, dịch vụ sẽ bị gián đoạn từ 2h – 5h vào thứ 6.

102. D

Phân tích: Thường thì khi thấy “to” đứng trước thì đằng sau ta sẽ chọn một động từ nguyên mẫu để tạo thành cụm “to-V” → chọn increase (gia tăng).

Tạm dịch: Tập đoàn Mayes có kế hoạch gia tăng lợi nhuận bằng các sử dụng những vật liệu rẻ hơn trong tương lai.

103. A

Phân tích: Giống câu 102, chọn “to-V” → chọn enhance (cải thiện, nâng cao)

Tạm dịch: Họ có kế hoạch cải thiện sự nghiệp của các thành viên bằng cách cung cấp nhiều tài liệu hữu ích.

104. C

Phân tích: Trước chỗ trống có “and” → cấu trúc song song. Tức là phía trước “and” là loại từ gì thì phía sau cũng phải là loại từ đó. Ta có secure (an toàn, bảo mật) là tính từ cần chọn một tính từ phía sau → chọn accessible (có thể truy cập).

Tạm dịch: Cơ sở dữ liệu của thông tin tài khoản nên được bảo mật và luôn sẵn sàng có thể truy cập cho tất cả nhân viên.

105. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có other (khác), yet (còn/chưa xảy ra hành động nào đó), most (phần lớn), different (khác) → chọn yet.

Tạm dịch: Mặc dù anh ấy đã được cho một khoảng thời gian rất nhiều, nhưng trợ lý của cô Tunrer vẫn chưa gửi những lời mời.

106. B

Phân tích: Sau “be” → chọn tính từ. Giữa tính từ đuôi -ing và đuôi -ed thì chọn required vì đối tượng “visitors” (những hành khách), chịu ảnh hưởng của hành động “require” (yêu cầu) → câu mang nghĩa bị động.

Mặt khác, đằng sau chỗ trống là giới từ “to”, cũng là dấu hiệu nhận biết câu bị động. Nếu sau chỗ trống là một tân ngữ thì là dấu hiệu của câu chủ động. Lúc đó ta mới có thể chọn A.

Tạm dịch: Bởi vì những sự thay đổi trong chính sách bảo mật của công ty, tất cả những khách tham quan được yêu cầu xuất trình chứng minh nhân dân trước khi được sự đồng ý để vào tòa nhà.

107. C

Phân tích: Đằng sau chỗ trống là một danh từ → cần điền một tính từ sở hữu → chọn your (của bạn).

Tạm dịch: Nếu bạn muốn thay đổi lịch cuộc hẹn của bạn, vui lòng liên hệ với chúng tôi qua điện thoại ít nhất hai ngày trước ngày hẹn.

108. C

Phân tích: Trước chỗ trống là một tính từ dạng Ved, sau chỗ trống là giới từ “of” → chọn một danh từ → chọn regulating (quy định) (những từ dạng Ving gọi là danh động từ, tức là vừa có thể làm danh từ, vừa có thể làm động từ tùy ngữ cảnh).

Tạm dịch: Allan đã tổ chức một cuộc họp để thảo luận về những quy định ngày càng tăng của chính phủ đối với những giao dịch tài chính qua ngân hàng.

109. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có ably (có thể), immediately (ngay lập tức), formerly (trước đó, đã từng), firstly (đầu tiên) → chọn formerly

Tạm dịch: Hợp đồng yêu cầu cô Ike trước đó phải thực hiện một khoản thanh toán cho công ty.

110. C

Phân tích: Sau động từ to be “was” → điền một tính từ → chọn added (được thêm vào).

Tạm dịch: Chức năng mới đã được thêm vào 2 máy photo của công ty, mẫu 4XR và mẫu cao cấp ZR7500.

111. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có reliable (đáng tin cậy), impossible (không thể), operable (có thể sử dụng/vận hành) → chọn reliable.

Tạm dịch: Peter Organization liên tục tuyên bố là nguồn thông tin đáng tin cậy nhất khả dụng đối với chính sách kinh tế Hoa Kỳ.

112. C

Phân tích: Trước chỗ trống là trạng từ previously (trước đó) → cần điền một động từ. Giữa named và name thì chọn named vì trạng từ previously đang chỉ quá khứ.

Tạm dịch: Jasmine Investments, trước đó tên là công ty tài chính TR, đang hy vọng tăng số lượng khách hàng của họ lên 50% trong năm nay.

113. D

Phân tích: Đằng sau động từ handle (xử lý, giải quyết) → cần một cụm danh từ làm tân ngữ. Ở đây ta có cụm customer needs (những nhu cầu của khách hàng)

→ chọn needs.

Tạm dịch: Mục tiêu của buổi hội thảo bao gồm sự giúp đỡ những người đại diện bán hàng xử lý những nhu cầu của khách hàng một cách chu đáo hơn.

114. A

Phân tích: Áp dụng thủ thuật: mạo từ (a/an/the) + N + giới từ → cần điền một danh từ. Cả increase và increases đều có thể làm danh từ trong trường hợp này, tuy nhiên đằng sau chỗ trống có động từ has → điền danh từ số ít → chọn increase.

Tạm dịch: Trông có vẻ như sự gia tăng cạnh tranh trong một vài năm trở lại đây đã gây ra sự sụt giảm của doanh số bán hàng.

115. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có or (hoặc), still (vẫn), any (bất kì), all (tất cả) chọn any. Phương án D (all) trong trường hợp này cũng khá hợp nghĩa, tuy nhiên danh từ distributor (nhà phân phối) đằng sau lại đang ở dạng số ít. Nếu chọn all (tất cả) thì danh từ đằng sau phải ở dạng số nhiều → chọn C.

Tạm dịch: Sự nâng cấp phần mềm có thể được mua bằng cách đến các nhà phân phối Kiln Software trong khu vực Part County.

116. C

Phân tích: Sau chỗ trống là một cụm danh từ (kinds of products) → cần điền một tính từ. Đuôi tính từ trong các phương án là -ous → chọn various.

Tạm dịch: Mặc dù Paul's Electronic bán rất nhiều loại sản phẩm, phần lớn doanh thu của công ty đến từ việc bán TV.

117. C

Phân tích: Áp dụng thủ thuật: giới từ + N + giới từ → chỗ trống cần điền một danh từ. Trong các phương án thì preparation (sự chuẩn bị) là danh từ.

Tạm dịch: Để chuẩn bị cho hội sách đặc biệt này, chúng tôi đã sắp xếp rất nhiều sách cái mà đã nhận được rất nhiều đánh giá tốt.

118. B

Phân tích: Sau chỗ trống là động từ be → cần điền một trạng từ đứng trước nó. Trong các phương án thì primarily (chính, chủ yếu) là trạng từ cần điền.

Tạm dịch: Dưới cấu trúc công ty mới, những giám đốc sẽ là người chịu trách nhiệm chính về việc phân công các dự án cho các thành viên trong bộ phận của họ và giám sát hiệu suất làm việc chung của nhân viên.

119. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có until (cho đến khi), by (trước), later (muộn hơn), afterward (sau đó) → chọn by là hợp nghĩa nhất. Nếu chọn later thì phải có than đi theo sau.

Tạm dịch: Hội nghị quốc tế về marketing được tổ chức bởi Houston.Inc, sẽ có thể kết thúc trước 5 PM.

120. C

Phân tích: Áp dụng thủ thuật: mạo từ (a/an/the) + N + giới từ → cần điền một danh từ. Trong các phương án thì stability (sự ổn định) là phương án cần chọn.

Tạm dịch: Thành công của sự đầu tư phụ thuộc vào sự ổn định của thị trường bất động sản trong vòng vài tháng tới.

121. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có guidelines (sự hướng dẫn), rights (quyền), charges (chi phí), concerns (sự lo lắng) → chọn C.

Tạm dịch: Vui lòng lưu ý rằng chi phí thuê và phí đã có trong hóa đơn cái mà chúng tôi gửi cho bạn ngày hôm qua.

122. A

Phân tích: Phía sau chỗ trống là danh từ shipping (sự vận chuyển/giao hàng)

→ cần một tính từ đứng trước → loại B, D. Giữa expedited và expediting (cấp tốc) thì chọn expedited vì câu đang mang nghĩa bị động, (phải có ai đó làm cho dịch vụ giao hàng cấp tốc)

Tạm dịch: Khách hàng mới chọn dịch vụ giao hàng cấp tốc để chắc chắn rằng đơn hàng của anh ấy đến nơi đúng thời điểm vào những ngày nghỉ lễ tiếp theo.

123. C

Phân tích: Phía sau chỗ trống là một cụm danh từ the mistake (sai lầm. lỗi lầm)

→ điền một giới từ đứng trước nó → chọn despite (mặc dù) là hợp nghĩa nhất.

Tạm dịch: May mắn thay, ông Boone đã được thăng chức mặc dù sai lầm của ông ấy trong một báo cáo gần đây.

124. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có beforehand (trước, sớm), firstly (đầu tiên), previously (trước đó), past (quá khứ) → chọn beforehand là hợp nghĩa nhất.

Tạm dịch: Những nhân viên sẽ được thông báo về bất kì sự thay đổi nào về lịch trình trước ít nhất 5 ngày.

125. D

Phân tích: Sau chỗ trống là động từ to be “are” → cần một chủ ngữ. Đại từ quan hệ thay thế cho con người (people) và có thể làm chủ ngữ → chọn who.

Tạm dịch: Những người mà quan tâm đến các cơ hội nghề nghiệp được mời nộp CV và thư xin việc ngay lập tức.

126. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có behave (hành xử, cư xử), operated (vận hành, hoạt động), ignore (bơ đi, lơ đi, bỏ qua), perform (thi hành, làm) → chọn C.

Tạm dịch: Người quản lý đã năn nỉ rằng biên lai của những hóa đơn đã kí bao gồm gói hàng không bị bỏ qua.

127. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có as though (như thể, như là), thus (do đó, vì vậy), since (từ khi, bởi vì), other than (hơn là) → chọn D.

Tạm dịch: Chuyên viên muốn nghe từ người khác hơn là cô Lim về khả năng thành công của chiến dịch marketing.

128. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có always (luôn luôn), now (bây giờ), past (quá khứ), before (trước đó) → chọn D.

Tạm dịch: Mặc dù Janet đã từng làm việc kế toán trước đó, cô ấy vẫn được yêu cầu trải qua buổi đào tạo cho những nhân viên mới.

129. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có contribution (sự đóng góp), advance (sự tiến bộ), prescription (đơn thuốc), simulation (sự mô phỏng) → chọn B.

Tạm dịch: Các bác sĩ được yêu cầu tham gia những hội nghị thường xuyên để bắt kịp những tiến bộ mới về dược phẩm.

130. B

Phân tích: Sau chỗ trống là một mệnh đề rút gọn (mệnh đề đầy đủ: Michael Chin who is known for developing effective work schedules) → chọn một liên từ

→ chọn since (since cũng có nghĩa là bởi vì).

Tạm dịch: Bởi vì Michael Chin, người mà được biết đến về việc phát triển lịch trình làm việc hiệu quả đã nghỉ hưu, một bữa tiệc chia tay sẽ được tổ chức vào tuần sau.

131. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có submit (nộp), originate (nguồn gốc), allow (đồng ý, cho phép), ask (yêu cầu, hỏi) → chọn A.

Tạm dịch: Trong khi xem xét những đơn xin việc được nộp cho anh ấy, sự tập trung chính của trưởng phòng nhân sự là vào kinh nghiệm của ứng viên về thiết kế phần mềm.

132. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có sizeable (khá lớn), regular (thường xuyên), gradual (dần dần), monotonous (đơn điệu) → chọn B.

Tạm dịch: Với những sự thay đổi mới, Condor Bus Lines sẽ cung cấp dịch vụ thường xuyên từ San Diego tới Los Angeles.

133. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có next (tiếp theo), present (hiện tại), concurrent (đồng thời), still (vẫn) → chọn B.

Tạm dịch: Một người phát ngôn đã nói tại buổi họp báo rằng Tyre-Coleman có kế hoạch đề thăng chức cho cô Hilda Field từ vị trí hiện tại là phó chủ tịch tài chính.

134. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có shift (chuyển đổi), respond (phản hồi), acquaint (làm quen), diagnose (chẩn đoán) → chọn D.

Tạm dịch: Bác sĩ Armstrong được mong chờ để giảng bài về cách làm thế nào để chẩn đoán các loại bệnh một cách hiệu quả và dễ dàng.

135. D

Phân tích: Sau chỗ trống là tính từ important (quan trọng) → cần điền một trạng từ đứng trước → chọn politically (về mặt chính trị).

Tạm dịch: Nhiều phóng viên tin rằng sự thay đổi trong thị trường nhà đất sẽ ảnh hưởng tới cả nền kinh tế quốc tế và quan trọng về mặt chính trị.

136. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có violation (sự vi phạm), understanding (sự thông cảm), penalty (hình phạt), agreement (hợp đồng) → chọn A.

Tạm dịch: Khi mà nhận thấy công ty đang có sự vi phạm về một vài quy định an toàn, nhà máy đã phải đóng cửa cho đến khi vấn đề được giải quyết.

137. C

Phân tích: Câu đang cần một chủ ngữ → chọn danh từ → loại A, D. Giữa B và C thì chọn C do đứng sau many (nhiều) thì phải là danh từ số nhiều.

Tạm dịch: Mặc dù sự kiện được nhắm tới những vận động viên nghiệp dư, rất nhiều đối thủ thực tế đã có kinh nghiệm tham gia nhiều giải đấu dành cho trình độ cao hơn.

138. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có surpass (vượt qua), range (dải, khoảng), allow (đồng ý, cho phép), earn (có được) → chọn A.

Tạm dịch: Ban giám đốc đã tuyên bố rằng nếu lợi nhuận của công ty không vượt quá 20 triệu đô la Mỹ trong quý tiếp theo, giám đốc điều hành sẽ bị sa thải.

139. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có all (tất cả), some (một vài), one (một), each (mỗi) → chọn C

Tạm dịch: Nếu bạn muốn tham gia một buổi hội thảo khác, công ty của chúng tôi sẽ rất sẵn sàng để chuyển bạn đến một trong những lớp khác hoặc hoàn lại tiền cho bạn.

140. D

Phân tích: Trong các câu sử dụng liên từ để nối 2 mệnh đề với nhau, nếu chủ ngữ của mệnh đề 1 giống chủ ngữ của mệnh đề 2 thì một trong 2 sẽ thường bị lược bỏ đi. Nghĩa là trong vế đầu tiên, not mandatory = the teamwork seminar is not mandatory (buổi hội thảo về làm việc nhóm là không bắt buộc) → chọn While (trong khi, khi).

Tạm dịch: Trong khi là không bắt buộc, buổi hội thảo về làm việc nhóm là một chương trình được đề xuất rất cao bởi phòng nhân sự của YRT.Inc.

141. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có deny (từ chối), apply (ứng tuyển), confirm (xác nhận), schedule (lên lịch) → chọn C.

Tạm dịch: Chúng tôi viết thư này để xác nhận rằng chúng tôi đã nhận được đơn ứng tuyển của bạn cho vị trí Giám đốc chương trình tại Save Kids.

142. B

Phân tích: Sau động từ show (thể hiện ra, cho thấy) → cần điền một danh từ làm tân ngữ → loại A, D. Giữa B và C thì chọn C vì interest (sự hứng thú, sự quan tâm) là danh từ không đếm được, nên luôn ở dạng số ít → chọn B.

Tạm dịch: Nhiều ứng viên phù hợp đã thể hiện sự quan tâm đến vị trí này.

143. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có overwhelming (choáng ngợp), debatable (có thể tranh luận), predictable (có thể dự đoán), reduce (giảm thiểu) → chọn A.

Tạm dịch: Thật vậy, (số lượng) phản hồi đã thật choáng ngợp. Mặc dù chúng tôi đã bắt đầu xem xét những CV, nhưng sẽ không thể hoàn thành quá trình này trong vòng ít nhất 2 tuần.

144. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có even (thậm chí), if (nếu), then (sau đó), instead (thay vào đó) → chọn B.

Tạm dịch: Nếu bạn quyết định mua vé của chúng tôi cho mùa hè tiếp theo, chúng tôi sẽ...

145. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có magazine (tạp chí), painting (bức vẽ), menu (thực đơn), performance (màn biểu diễn) → chọn D.

Tạm dịch: Với cơ sở vật chất tốt hơn, chúng tôi hi vọng sẽ cung cấp cho bạn những màn biểu diễn tốt hơn trong mùa tiếp theo.

146. C

Phân tích: Sau chỗ trống là danh từ pamphlet (cuốn sách nhỏ) → cần điền một tính từ → loại A, B. Giữa enclosed và enclosing (đính kèm) thì chọn enclosed. Vì hành động đính kèm phải do ai đó làm → mang nghĩa bị động.

Tạm dịch: Cuốn sách nhỏ đính kèm nói với bạn về địa điểm mới cũng như là các màn trình diễn mà chúng tôi sẽ có trong mùa tiếp theo.

147. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có skilled (có kỹ năng), primary (chính), observant (tinh ý, hay quan sát), promoting (thăng chức, quảng bá) → chọn B.

Tạm dịch: Nhiệm vụ chính của các biên tập viên bao gồm làm việc với những người viết để chỉnh sửa lại bài của họ và giám sát sự xuất bản của các bài này.

148. A

Phân tích: Trong câu không có dấu hiệu của thì quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành hay tiếp diễn → chọn quá khứ đơn – possess (sở hữu)

Tạm dịch: Những ứng viên phù hợp sẽ sở hữu những trình độ chuyên môn liên quan về ngôn ngữ, ít nhất 3 năm kinh nghiệm trong xuất bản....

149. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có job (công việc), admission (sự cho phép), loan (khoản vay nợ), grant (cho, ban cho) → chọn A.

Tạm dịch: Nếu bạn quan tâm tới công việc này, vui lòng liên hệ với Lee-Ann Walters tại lawalters@newvisionbooks.net.

150. B

Phân tích: Trong câu đã có động từ chính là counting down (đếm ngược) → về sau ở dạng một mệnh đề quan hệ rút gọn. Mệnh đề đầy đủ là Consumers are counting down the hours to the Computer of the Future Exhibition which opens this weekend. Ở đây cụm which open được rút gọn thành opening do câu ở dạng chủ động → chọn B.

Tạm dịch: Những người tiêu dùng đang đếm ngược từng giờ cho triển lãm Máy tính của tương lai (cái mà) mở cuối tuần này.

151. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có future (tương lai), recent (gần đây), traditional (truyền thống), historic (có tính lịch sử) → chọn A.

Tạm dịch: ...người mà sẽ nói về xu hướng máy tính và phần mềm trong tương lai tại lễ khai mạc tối mai.

152. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có maintain (duy trì), plan (lên kế hoạch), deserve (xứng đáng), attend (chú ý) và cụm từ well-attended (đáng chú ý, được nhiều người để mắt tới) → chọn D.

Tạm dịch: Những sự kiện kiểu này thường đường nhiều người chú ý.

TEST 2

101. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có renew (gia hạn), remodel (làm lại mẫu), reappear (xuất hiện lại), revolve (xoay quanh) → chọn A.

Tạm dịch: Chúng tôi không đủ tiền để gia hạn hợp đồng dịch vụ của chúng tôi mùa hè năm ngoái, do đó bây giờ chúng tôi sẽ phải kí một cái mới.

102. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có employment (sự tuyển dụng), employee (nhân viên), employ (tuyển dụng) → chọn B.

Tạm dịch: Vào ngày làm việc đầu tiên, mỗi nhân viên mới sẽ phải tham dự các buổi hội thảo định hướng bắt buộc.

103. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có nor (cũng không), how (thế nào), but (nhưng), even (thậm chí) → chọn C.

Tạm dịch: Có một vài trường học nơi mà sẽ tặng học bổng cho học sinh ngoại quốc nhưng họ thường là đến từ các quốc gia thuộc thế giới thứ 3 (các quốc gia đang phát triển).

104. C

Phân tích: Cần một đại từ đóng vai trò làm tân ngữ → chọn him.

Tạm dịch: Sau một vài buổi họp và gọi điện với ông Sutton, tôi thấy ông ấy quyết liệt và khẳng khái phản đối việc hỗ trợ tôi.

105. C

Phân tích: Trước chỗ trống là động từ dress (mặc) → cần điền một trạng từ
→ chọn appropriately (một cách đúng, phù hợp).

Tạm dịch: Chia khóa để ăn mặc cho một buổi phỏng vấn là ăn mặc một cách phù hợp với công ty mà bạn đang ứng tuyển, và giữ mọi thứ đơn giản.

106. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có eligible (đạt chuẩn, đủ điều kiện), adhesive (dính), effective (hiệu quả), impressed (ấn tượng) → chọn C.

Tạm dịch: Tại Realtoeic.com, chúng tôi kết hợp công nghệ với kiến thức có chiều sâu trên thị trường để tạo ra một chiến dịch quảng cáo hiệu quả.

107. C

Phân tích: Đây là câu bị động, trong câu đã có động từ (is scheduled – được lên lịch trình) → không cần thêm động từ nữa → loại A, B. Giữa to perform và performance thì chọn to perform vì đây là câu bị động → cần một to-V theo sau. Nếu câu ở dạng chủ động thì mới chọn performance.

Tạm dịch: Nữ diễn viên Oonna Lowre được lên lịch trình để biểu diễn một chương trình độc thoại dựa trên cuộc sống của nhà thơ Mỹ Emily Oickinson.

108. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có comment (bình luận), recruitment (việc tuyển dụng), moment (khoảnh khắc), management (sự quản lí) → chọn D.

Tạm dịch: Một chương trình quản lí tiền bạc hiệu quả là tuyệt đối cần thiết với sự sống còn của giao dịch viên và lợi nhuận lâu dài.

109. D

Phân tích: Ta thấy cụm a_____rise là một cụm danh từ (do có a đứng trước, danh từ là rise – sự tăng lên) → cần điền một tính từ → chọn continuing (có thể tiếp tục).

Tạm dịch: Nhiệt độ toàn cầu trung bình đang ấm lên và nền khí hậu toàn cầu được dự đoán sẽ còn tiếp tục tăng.

110. A

Phân tích: Sau động từ to be “are” và trước tính từ fastened (thắt) cần điền một trạng từ → chọn securely (một cách an toàn).

Tạm dịch: Vui lòng chắc chắn rằng dây an toàn của bạn đã được thắt chặt một cách an toàn và lưng ghế hướng về phía trước để cất cánh.

111. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có offer (đề nghị), arrange (sắp xếp), contribute (đóng góp), provide (cung cấp) → chọn D.

Tạm dịch: Mục đích của khóa học này là để cung cấp cho những người đại diện bán hàng các kỹ năng nền tảng để hiệu quả trong việc bán hàng.

112. C

Phân tích: Sau mạo từ “a” cần một cụm danh từ, mà đã có cụm danh từ array of legal questions and problems (một loạt các câu hỏi và vấn đề pháp lý) rồi → điền một tính từ. Ta có bewildered – bewildering đều mang nghĩa là hoang mang. Vậy, bản thân cái “một loạt các câu hỏi và vấn đề pháp lý” là chủ thể gây cho người ta cảm giác hoang mang → cần điền một tính từ ở dạng chủ động → chọn C.

Tạm dịch: Những người chủ doanh nghiệp nhỏ thường xuyên đối mặt với một loạt các câu hỏi và vấn đề pháp lý gây hoang mang.

113. A

Phân tích: Sau chỗ trống là một danh từ → chọn một tính từ sở hữu → chọn their (của họ).

Tạm dịch: Những người dùng hệ thống của chúng tôi cũng có thể xem các trang web được cá nhân hóa với thông tin về các phòng họp đã được lên lịch của họ.

114. B

Phân tích: Ta có cụm attribute to (xuất phát/ nguồn gốc từ cái gì đó). Dựa vào nghĩa → chọn B.

Tạm dịch: Hiệu quả lớn của công ty xuất phát từ chiến lược kinh doanh, cái mà họ cung cấp cho khách hàng giải pháp kho vận tích hợp.

115. B

Phân tích: Trong câu có next Monday (tuần sau) là dấu hiệu của thì tương lai → chọn B.

Tạm dịch: Có hiệu lực từ thứ 2 tuần sau, lãi suất vay nợ của Hana Bank sẽ tăng.

116. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có directly (trực tiếp), accurately (chính xác), remotely (từ xa), sharply (sắc bén) → chọn A.

Tạm dịch: Người điều phối sẽ tạm ngưng cuộc gọi trực tiếp đến dịch vụ cấp cứu thích hợp, tổ chức cảnh sát, cứu hỏa hoặc cứu thương.

117. B

Phân tích: Sau mạo từ “the” là một cụm danh từ. Ở đây đã có danh từ collection (bộ sưu tập) → cần điền một tính từ so sánh nhất (vì nghĩa của câu đang so sánh một cái với phần còn lại) → chọn B.

Tạm dịch: Công ty BIOSIS cung cấp bộ sưu tập rộng nhất về những phát hiện khoa học và tin tức về ngành công nghiệp được hình thành.

118. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có “on or before deadline” nghĩa là vào hoặc trước hạn cuối.

Tạm dịch: Phí đăng kí phải được thanh toán vào hoặc trước hạn cuối thanh toán để tránh bị lỡ mất các lớp học.

119. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có board (lên tàu, lên xe,...), during (trong khi), onto (trên), except (ngoại trừ) → chọn B.

Tạm dịch: Dùng thời gian trong chuyến thăm để thư giãn trên một trong những bãi biển đẹp và khám phá hòn đảo này.

120. D

Phân tích: Trước chỗ trống là tính từ dependable (đáng tin cậy) → chọn danh từ theo sau → chọn D.

Tạm dịch: Các ứng viên phải có bằng lái xe còn hiệu lực và lộ trình vận chuyển đáng tin cậy.

121. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có lively (sống động), timely (đúng giờ), promptly (nhANH chóng), greatly (lớn) → chọn C.

Tạm dịch: Giám đốc bán hàng trở lại phòng anh ấy sau khi thăm các khách hàng cần gửi những đơn đặt hàng nhanh chóng.

122. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có unexpected (không mong đợi), inappropriate (không đúng, không thích hợp), uncharted (chưa được khám phá), infirm (không chắc chắn, không dứt khoát) → chọn A.

Tạm dịch: Ngân sách sẽ được tăng tổng là \$50000, cái mà sẽ được sử dụng để xử lý các trường hợp không mong đợi.

123. B

Phân tích: Trong câu đã có động từ chính là offered (được cung cấp) rồi, nên không cần thêm một động từ chính nào nữa → loại A, C. Không thể chọn to locate được vì đằng trước chỗ trống đã có giới từ in (2 giới từ không đứng cạnh nhau)

→ chọn locating (định vị, xác định vị trí).

Tạm dịch: Những người sử dụng thư viện sẽ được cung cấp sự trợ giúp chuyên nghiệp trong việc xác định vị trí các cuốn sách cái mà khó để tìm.

124. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta chọn because (bởi vì) là liên từ đứng đầu câu, nối 2 mệnh đề.

Tạm dịch: Bởi vì sự tiêu thụ tạo ra nhu cầu của khách hàng cho những sản phẩm mới, GE đầu tư vào mảng R&D (Research & Development – Nghiên cứu và phát triển).

125. D

Phân tích: Ta có in which = where → chọn D.

Tạm dịch: Công ty Axial-piston motors đã thành lập một website thương mại nơi mà họ quảng cáo những sản phẩm và dịch vụ của họ.

126. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có reduce (giảm thiểu), lose (mất), prevent (ngăn chặn, phòng ngừa), leave (rời đi) → chọn A.

Tạm dịch: Những dịch vụ của OCG tập trung vào cải thiện hiệu năng trong khi giảm thiểu chi phí bằng cách nâng cao sự phát triển phần mềm và quá trình bảo trì.

127. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có beyond (vượt ra ngoài, bên kia), overt (công khai), topped (đứng đầu), plus (thêm vào, cộng) → chọn A.

Tạm dịch: Phản hồi mà chúng tôi nhận được từ người tham gia vượt xa ngoài mong đợi và những mong đợi lạc quan nhất.

128. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có applicable (có thể ứng dụng), promising (hứa hẹn), obtained (thu được), submissive (phục tùng, dễ bảo) → chọn B.

Tạm dịch: Trong khi tiềm năng ngắn hạn rất hạn chế, tiềm năng dài hạn lại đầy hứa hẹn.

129. D

Phân tích: Sau chỗ trống là một danh từ → cần điền một tính từ đứng trước

→ chọn additional (thêm vào). Phương án C (additive) cũng là tính từ nhưng lại có nghĩa là tích lũy → không hợp nghĩa.

Tạm dịch: Các kỹ sư có thể yêu cầu đào thêm để chắc chắn rằng nền móng vững chắc cho cái ống.

130. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có withhold (giữ lại), prevent (ngăn chặn, phòng ngừa), interfere (làm gián đoạn), decrease (giảm) → chọn B.

Tạm dịch: Thất nghiệp lâu dài là dấu hiệu của thị trường lao động hoạt động không tốt, cái mà những trở ngại cấu trúc đang ngăn ngừa mọi người có việc làm.

131. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có contribute (đóng góp), affect (ảnh hưởng), superior (địa vị cao, hống hách), productive (có năng suất) → chọn A.

Tạm dịch: Những nhân tố đóng góp vào sự toàn cầu hóa bao gồm sự bùng nổ của giao tiếp toàn cầu và sự hòa nhập của nền kinh tế thế giới.

132. D

Phân tích: Áp dụng thủ thuật: be + trạng từ + giới từ → chọn currently (hiện tại).

Tạm dịch: Dự án này hiện tại đang theo đúng lịch trình, nhưng nó có thể chậm trễ bởi vì nghĩa vụ theo hợp đồng trước.

133. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có reservation (sự đặt chỗ), allowance (tiền trợ cấp), omission (sự bỏ sót, hững hờ), elimination (sự loại bỏ) → chọn B.

Tạm dịch: Các tác giả nên trả tiền trợ cấp cho sự giảm thiểu của các hình ảnh và bảng biểu để vừa với kích thước tạp chí.

134. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có enough (đủ), too much (quá nhiều), very (rất), well (tốt) → chọn C.

Tạm dịch: Tham gia vào một chương trình tiếp thị liên kết đã chứng minh rất dễ sinh lời cho hàng ngàn người trên khắp thế giới.

135. A

Phân tích: Đề bài cho một câu giả định (câu cầu khiến). Nghĩa là người A yêu cầu người B làm gì đó, nhưng người B có làm hay không thì không bắt buộc. Thường thì trong câu giả định, ta sẽ gặp các động từ như suggest, ask, request,... và có thể thêm từ should vào để cho dễ hình dung. Ví dụ: “Mr. Crow requested that the minutes (should)_____by email to Ms. Simmons in the prescribed format”. → chọn A.

Tạm dịch: Ông Crow đã yêu cầu rằng biên bản nên được gửi bởi email cho cô Simmons với định dạng quy định.

136. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn by. Cấu trúc By+Ving thường chỉ một cách thức làm một việc gì đó.

Tạm dịch: Hiện tại, những sinh viên đang làm việc với chiến dịch quảng cáo của họ bằng cách sản xuất phim/ảnh quảng cáo qua truyền hình.

137. D

Phân tích: Đại từ phản thân thường đứng cuối câu (khi câu đã có đủ S+V+O), và sau giới từ by → chọn D.

Tạm dịch: Bà Jung không muốn đợi thợ sửa ống nước nên bà ấy đã nhờ chúng tôi tự sửa ống nước.

138. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có basis (nền tảng, căn cứ), make sense (làm hợp lý), cause (gây ra), reason (nguyên nhân) → chọn B.

Tạm dịch: Nếu bạn đã mua một mặt hàng giá cao trong năm nay như một cái ô tô hoặc thuyền, việc khấu trừ thuế bán hàng có thể hợp lý hơn đối với bạn.

139. C

Phân tích: Sau giới từ thường là cụm danh từ → chọn guidance (sự hướng dẫn).

Tạm dịch: Gói trị liệu sắc đẹp được gia tăng sự hướng dẫn với mục tiêu là mang đến cho phụ nữ một cái nhìn về bản thân họ.

140. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn A.

Tạm dịch: Sự bắt đầu của chương trình mới này nằm trong một chuỗi các chương trình mới, cái mà chúng tôi khởi động trong năm nay

141. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có description (sự mô tả), requirement (yêu cầu), subscription (đăng ký), information (thông tin) → chọn C.

Tạm dịch: Cơ hội để bạn gia hạn đăng ký đối với Science Digest khi bạn mở lá thư này.

142. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có double (nhân đôi), twice (hai lần), duplicate (tạo bản sao), duo (cặp đôi) → chọn B.

Tạm dịch: Bạn sẽ không muốn phải nghĩ đến hai lần về việc quyết định cho sự gia hạn này.

143. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có revenue (doanh thu), money (tiền), budget (ngân sách), price (giá cả) → chọn D.

Tạm dịch: Tại sao không gia hạn 2 hoặc 3 năm? Bạn sẽ tiết kiệm bây giờ với giá thấp hơn.

144. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có accommodate (chứa, đựng, đáp ứng), acknowledge (công nhận, thừa nhận), understand (hiểu), agree (đồng ý) → chọn B.

Tạm dịch: Tôi xác nhận rằng hóa đơn các vé và thẻ giảm giá được mong đợi (sẽ có) ít nhất 5 ngày trước khi khởi hành.

145. B

Phân tích: Sau động từ to be “are” thì có thể điền Ving hoặc Ved, tùy thuộc vào câu đó đang ở dạng chủ động (Ving) hay bị động (Ved). Vì hành khách là chủ thể của hành động return (quay lại) đó → chọn returning.

Tạm dịch: Các mẫu 1-20 dành cho du học sinh khi họ trở lại Mỹ.

146. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có yet (còn), beyond (vượt xa, bên kia), nor (cũng không), without (không có) → chọn D.

Tạm dịch: Hãng hàng không đã thông báo cho chúng tôi rằng họ sẽ dứt khoát từ chối lên máy bay đối với bất kì hành khách nào không có giấy tờ (hộ chiếu, chứng minh thư, vé máy bay,...)

147. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có make (làm), control (kiểm soát), offer (cung cấp, đề nghị), restore (khôi phục) → chọn C.

Tạm dịch: Chúng tôi có thể cung cấp cho các học sinh những khóa học sau.

148. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn B là hợp nghĩa nhất. Ta có cụm emphasis on (nhấn mạnh vào).

Tạm dịch: Khóa học này nhấn mạnh vào các hoạt động văn hóa và ngôn ngữ được liên kết với nó.

149. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có extra (thêm, bổ sung), along (cùng với), further (hơn nữa), later (sau) → chọn C.

Tạm dịch: Nếu có bất kì điều gì bạn muốn biết thêm, vui lòng liên lạc với chúng tôi bất kì lúc nào.

150. B

Phân tích: Ở câu trước đã có từ “one” để chỉ một cái (trong hai cái). Vậy trong câu sau phải dùng the other để chỉ cái còn lại → chọn B. Ngoài ra, các phương án khác được dùng như sau:

Từ	Nghĩa	Ví dụ
Another	<ul style="list-style-type: none"> Một cái khác, một người khác... Another + danh từ đếm được số ít. 	Do you want another drink? (Bạn có muốn một cốc nữa không?)
Other	<ul style="list-style-type: none"> Những cái khác, những người khác. Other + danh từ đếm được số nhiều, danh từ không đếm được 	Other students are from Vietnam. (Những học sinh khác đến từ Việt Nam.)

Others	<ul style="list-style-type: none"> Những cái khác Chú ý: không dùng others + danh từ đếm được số nhiều/ danh từ không đếm được. (không được dùng others students mà phải là other students) 	Some students like sport, others don't = other students don't. (<i>Một số sinh viên thích thể thao, một số khác thì không.</i>)
The other	<ul style="list-style-type: none"> Cái còn lại, người còn lại. The other + danh từ đếm được số ít 	I have three close friends. Two of whom are teachers. The other (friend) is an engineer. (<i>Tôi có ba người bạn thân. Hai trong số họ là giáo viên. Người còn lại là một kỹ sư.</i>)
The others	<ul style="list-style-type: none"> Những cái còn lại, những người còn lại The others = the other + danh từ đếm được số nhiều 	I have three close friends, one of them is a lawyer, the other friends/the others are teacher. (<i>Tôi có ba người bạn thân, một trong số họ làm luật sư, số còn lại là giáo viên.</i>)

Tạm dịch: Cái còn lại ở phía đông lối vào Jensen Shopping Plaza.

151. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có participate (tham gia), conclude (kết luận), attend (tham dự), consolidate (củng cố) → chọn D.

Tạm dịch: Sự thay đổi tại chi nhánh Crestview là một phần của quá trình củng cố các chi nhánh của chúng tôi.

152. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có active (chủ động), aware (nhận biết, nhận thức), careful (cẩn thận), awaken (đánh thức) → chọn B.

Tạm dịch: Chúng tôi lấy làm tiếc rằng điều đó là cần thiết để đóng cửa chi nhánh này bởi vì chúng tôi biết được sự thuận tiện mà nó có thể mang đến ngay lập tức cho khu dân cư.

TEST 3

101. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có inconclusive (không kết luận được), inefficient (không hiệu quả), incomplete (chưa hoàn thành), inconvenient (không thuận tiện) → chọn D.

Tạm dịch: Không có cái thang máy nào trong tòa nhà, cái mà không thuận tiện cho các khách đến thăm các tầng cao hơn.

102. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ra có most (phần lớn), much (nhiều), many (nhiều), almost (gần như) → chọn B (do money là danh từ không đếm được nên dùng much mà không dùng many).

Tạm dịch: Chúng tôi không có nhiều tiền trong máy tính tiền.

103. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta thấy đây là một câu có tính chất đưa ra dự đoán có tính chất khẳng định, dựa vào logic → chọn must (cần phải).

Tạm dịch: Không một ai mở cửa khi tôi bấm chuông, nên (chắc là) họ đã phải rời đi rồi.

104. D

Phân tích: Cần điền một đại từ đứng cuối câu làm tân ngữ → loại A, C. Trong câu không có dấu hiệu phải dùng đến đại từ phản thân ours → chọn us (chúng tôi).

Tạm dịch: Có 10 người chúng tôi ở bộ phận nghiên cứu và phát triển.

105. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có something (một vài thứ), anything (bất kì thứ gì), nothing (không thứ gì), everything (mọi thứ) → chọn B.

Tạm dịch: Chân của tôi rất đau sau vụ tai nạn, nhưng bác sĩ nói anh ấy không thể làm bất kì thứ gì để giúp.

106. A

Phân tích: Dựa vào cấu trúc song song với từ “and”, nghĩa là trước and là loại từ gì thì sau and là loại từ đấy. Trước and ta có động từ nguyên mẫu go home (đi về nhà) → chọn động từ nguyên mẫu relax (thư giãn)

Tạm dịch: Sau một ngày dài làm việc, tất cả những gì Julia muốn làm đó là đi về nhà và thư giãn.

107. B

Phân tích: Có has been là dấu hiệu của thì hiện tại hoàn thành → chọn since (kể từ khi).

Tạm dịch: Ông Saito đã vắng mặt tại đây vì đang trên một chuyến công tác từ thứ 2.

108. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có fare (giá vé), tariff (thuế, bản kê), fine (tiền phạt), tax (thuế) → chọn C.

Tạm dịch: Theo như sự rò rỉ dầu, công ty phải nộp một khoản tiền phạt \$12000 vì đã gây ô nhiễm môi trường.

109. A

Phân tích: Sau chỗ trống là từ information (thông tin), là một danh từ không đếm được → dùng động từ to be dạng số ít → chọn A.

Tạm dịch: Đây là một vài thông tin về hội nghị tuần tới.

110. D

Phân tích: Cần điền một đại từ làm tân ngữ đứng sau động từ enjoy (thích) → loại A, C. Trong trường hợp này, cần điền một đại từ phản thân để nhấn mạnh vào hành động tác động lên chủ ngữ, chọn → D.

Tạm dịch: Gary thích buổi tiệc đến nỗi anh ấy đã không về về cho đến khi rất muộn.

111. C

Phân tích: Ta có cụm từ pay attention (chú ý) → chọn C.

Tạm dịch: Tất cả mọi người có thể vui lòng chú ý trong suốt buổi hướng dẫn an toàn được không?

112. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có contract (hợp đồng), assurance (sự đảm bảo), guarantee (sự đảm bảo), promise (hứa). Cả assurance và guarantee đều có nghĩa là lời hứa, đảm bảo về cái gì đó. Nhưng guarantee được sử dụng nhiều hơn tại một sự kiện cụ thể hay bảo hành thứ gì đó. Còn assurance chỉ sự bảo đảm chung chung mọi thứ sẽ diễn ra. Ví dụ:

- I guarantee you that I'll be there tomorrow. (tôi đảm bảo rằng tôi sẽ ở đây vào ngày mai).
- I assure you that things will be fine. (tôi đảm bảo với bạn rằng mọi thứ sẽ ổn).

Tạm dịch: Tất cả những cái xe đã được bán với 6 tháng bảo hành các chi tiết và sức lao động (ở đây có nghĩa là miễn phí sửa/thay thế).

113. C

Phân tích: Chỗ trống đứng đầu câu, đằng sau đã có đầy đủ thành phần S+V+O

→ cần điền một trạng từ → chọn luckily (may mắn thay).

Tạm dịch: Tôi đã nghĩ rằng khách sạn đã hết phòng, nhưng may mắn thay người lễ tân đã nói rằng có một phòng hủy đặt.

114. C

Phân tích: Sau chỗ trống là danh từ chỉ địa điểm cụ thể the factory gates (những cái cổng của nhà máy) → chọn at.

Tạm dịch: Khi các công nhân đến tại các cổng nhà máy, họ phát hiện ra rằng công ty đã phá sản từ đêm qua.

115. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có strictly (một cách nghiêm khắc), steadily (một cách ổn định, vững chắc), severely (một cách khắc nghiệt), sternly (nghiêm khắc, dùng khi muốn thể hiện sự mong đợi người khác nghe theo mình) → chọn A.

Tạm dịch: Tôi rất lấy làm tiếc nhưng hút thuốc ở khu vực này bị nghiêm cấm.

116. B

Phân tích: Trong câu có this month (tháng này) → chọn thì hiện tại tiếp diễn

→ chọn B.

Tạm dịch: Tôi đang đi bộ đi làm trong tháng này vì tôi cần tập thể dục.

117. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có no (không), some (một vài), any (bất kì), none (không) → chọn C.

Tạm dịch: Tôi không nghĩ có bất kì cơ hội nào lãi suất sẽ giảm trong tháng này.

118. D

Phân tích: Sau động từ to be “was”, cần chọn một tính từ → chọn rainy (mưa).
(Mở rộng: nếu các phương án có đủ tính từ gốc, tính từ đuôi -ed, tính từ đuôi -ing, thì ưu tiên chọn tính từ gốc).

Tạm dịch: Mặc dù trời mưa, các nhân viên nướng thịt vẫn có thành công lớn.

119. B

Phân tích: Sau chỗ trống là danh từ comment (bình luận) → cần điền một tính từ đứng trước để bổ nghĩa cho danh từ → chọn critical (phê bình, chỉ trích).

Tạm dịch: Báo cáo đưa ra nhiều bình luận chỉ trích về tiền thưởng cho các nhân viên lâu năm.

120. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có show up (xuất hiện), look into (nhìn vào), keep on (tiếp tục), come across (bằng lòng) → chọn D.

Tạm dịch: Chủ tịch hứa sẽ bằng lòng với khả năng tăng lương cho các công nhân làm việc trong quán café.

121. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có if (nếu), so (do đó, vậy), because (bởi vì), unless (trừ khi) → chọn D.

Tạm dịch: Chúng ta sẽ đến đúng giờ của bộ phim trừ khi giao thông tồi tệ hơn bình thường.

122. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có eternal (vĩnh viễn, mãi mãi), external (bên ngoài), extreme (rất), exterior (ngoại thất) → chọn B.

Tạm dịch: Trên cái hộp nói rằng phần kem chỉ cho sử dụng từ bên ngoài, do đó hãy chắc chắn rằng bạn không nuốt nó

123. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có provide (cung cấp), proclaim (tuyên bố), proceed (tiếp tục), product (sản phẩm) → chọn A.

Tạm dịch: Celine đầu tiên phải tham gia một khóa học đào tạo quản lý được cung cấp bởi công ty nếu cô muốn đạt điều kiện cho sự thăng chức.

124. C

Phân tích: Trong câu đang thiếu một chủ ngữ, đã có động từ “is” → chọn she.

Tạm dịch: Liz chỉ bắt đầu làm việc trong phòng văn thư từ tháng trước, tuy nhiên cô ấy đã nghĩ đến việc rời đi.

125. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có positively (một cách tích cực), definitely (chắc chắn), undeniably (không thể từ chối), certainly (chắc chắn).

Tạm dịch: Liệu Miguel có chắc chắn đi cùng chúng ta tới Colorado vào thứ 6 không?

126. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ra có alternative (sự thay thế), substitute (người thay thế), decision (quyết định), opportunity (cơ hội).

Tạm dịch: Bởi vì sự thất bại trong chiến dịch marketing, Frederick đã quyết định anh ấy sẽ không có sự thay thế nào mà phải từ chức tại công ty.

127. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có however (tuy nhiên), despite (mặc dù, đi với Ving/N), although (mặc dù, đi với mệnh đề), even (thậm chí) → chọn C

Tạm dịch: Mặc dù chúng tôi ngồi đằng sau, chúng tôi có thể nghe tiếng của người thuyết trình rất rõ ràng.

128. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có demand (nhu cầu), insist on (nhấn mạnh vào), order (đặt hàng), require (yêu cầu) → chọn B.

Tạm dịch: Một điều mà chúng tôi luôn nhấn mạnh tại Clarkson Engineering là sự đúng giờ.

129. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có nor (cũng không), neither (không), so (do đó), or (hoặc) → chọn D.

Tạm dịch: Trước khi bạn đầu tư nhiều tiền hoặc gánh vác thêm nhiều nhân viên, bạn nên cẩn thận làm việc dựa trên những lợi ích tiềm năng.

130. A

Phân tích: Sau chỗ trống là danh từ decision (sự quyết định) → cần điền một tính từ → chọn reasonable (hợp lý).

Tạm dịch: Mở rộng sự quan tâm về kinh doanh của chúng ta tới châu Á có vẻ như là quyết định hợp lý, dựa theo sự tăng trưởng trong thời gian gần đây trong khu vực.

131. D

Phân tích: Sau chỗ trống có than → dấu hiệu của so sánh hơn. Tính từ important (quan trọng) là tính từ dài → chọn D.

Tạm dịch: Không có gì quan trọng đối với công ty hơn là những nhân viên trung thành và chăm chỉ.

132. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có let (để), allow (cho phép), agree (đồng ý), consent (cũng có nghĩa là đồng ý, nhưng đi với giới từ to) → chọn B.

Tạm dịch: Quán café nơi mà anh tôi làm cho phép anh ấy mang về nhà 3 túi café mỗi tuần miễn phí.

133. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có during (trong khi), until (cho đến khi), in (trong), before (trước khi) → chọn C.

Tạm dịch: Cái xe khách rời đi trong 20 phút từ sân ga C.

134. C

Phân tích: Trong câu không có dấu hiệu nào của thì quá khứ đơn hay quá khứ hoàn thành → chọn is.

Tạm dịch: Người chiến thắng cao nhất của cuộc thi thiết kế cuối cùng cũng được thông báo.

135. A

Phân tích: Sau trợ động từ do, do not cần điền một động từ nguyên mẫu → chọn hesitate (ngần ngại).

Tạm dịch: Nếu có bất kì thứ gì tôi có thể trợ giúp, vui lòng đừng ngần ngại hỏi.

136. B

Phân tích: Tất cả các phương án A, C, D đều có nghĩa là “trong”. Tuy nhiên among dùng khi có ba người/vật trở lên, inside để chỉ vị trí bên trong → loại A, C, D → chọn between (giữa).

Tạm dịch: Cả hai ứng viên đề rất mạnh, do đó quyết định chọn giữa họ sẽ rất khó.

137. D

Phân tích: Sau động từ to be “are” cần chọn một tính từ → loại A, B. Từ interest (hứng thú) không tự nhiên mà có, mà phải có một thứ gì đó tác động khiến người ta cảm thấy hứng thú → câu mang nghĩa bị động → chọn D.

Tạm dịch: Chúng tôi đề hứng thú muốn biết kết quả của cuộc điều tra về sức khỏe và an toàn.

138. A

Phân tích: Sau tính từ sở hữu our (của chúng tôi, của chúng ta) cần điền một danh từ → chọn strategy (chiến lược, chiến thuật).

Tạm dịch: Đây là chiến lược của chúng ta để vượt qua sự suy giảm lợi nhuận và đánh bại sự suy thoái này?

139. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có take (lấy), allow (cho phép), bring (mang), carry (cầm, mang, vác) → chọn C.

Tạm dịch: Bạn có thể mang cho tôi một ly café khác được không?

140. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có actually (thực ra, thực tế), casually (một cách bình thường), carelessly (không cẩn thận), needlessly (không cần thiết).

Tạm dịch: Mọi người tại bữa tiệc chào mừng ăn mặc một cách bình thường và không khí rất thư giãn.

141. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có declare (tuyên bố), schedule (lên lịch), aim (mục tiêu), maintain (duy trì, bảo trì) → chọn B.

Tạm dịch: Một cập nhật quan trọng cho mạng máy tính của công ty được lên lịch vào chiều thứ 6, 26/11.

142. C

Phân tích: Cần điền một từ để hoàn thành trạng ngữ của câu → chọn most of (phần lớn)

Tạm dịch: Trong phần lớn thời gian này, nó sẽ không thể truy cập hệ thống bán hàng và đặt hàng.

143. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có out of action (ngưng hoạt động), debt (món nợ), print (in), office (văn phòng) → chọn A.

Tạm dịch: Tất cả các máy trạm sẽ ngưng hoạt động.

144. D

Phân tích: Ta có cụm in advance (trước) → chọn D.

Tạm dịch: Vui lòng sắp xếp phù hợp trước đó.

145. B

Phân tích: Trước chỗ trống là thì hiện tại tiếp diễn → sau chỗ trống không thể điền thì quá khứ được → chọn will be.

Tạm dịch: Đơn xin việc của bạn đang trong quá trình (xử lý, xem xét) và sẽ xử lý xong nhanh nhất có thể

146. B

Phân tích: Dùng từ must (phải, cần phải) để diễn tả một thứ chắc chắn xảy ra → chọn B.

Tạm dịch: Bạn (chắc chắn) sẽ nhận được một lá thư từ chúng tôi trong tuần sau để cập nhật trạng thái của đơn xin việc.

147. C

Phân tích: Có từ please đứng đầu câu → câu mệnh lệnh → cần một động từ nguyên mẫu theo sau → chọn contact (liên lạc).

Tạm dịch: Nếu bạn không nhận được tin tức từ chúng tôi, vui lòng liên lạc tới phòng chăm sóc khách hàng bằng cách gửi email tới customercare@maxitrade.com.

148. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có welcome (chào mừng), greet (chào hỏi), receive (nhận), meet (gặp).

Tạm dịch: Chúng tôi hi vọng sẽ sớm chào mừng bạn tại MaxiTrade.com.

149. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có characteristic (tính cách, đặc tính), obstacle (trở ngại), surrounding (thứ xung quanh, bao quanh), intricacy (phức tạp) → chọn B.

Tạm dịch: Có thể bạn sẽ gặp những trở ngại làm cho bạn cảm thấy không thể vượt qua, hoặc những câu hỏi bạn không thể trả lời.

150. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có whoever (bất kì ai), however (tuy nhiên), wherever (bất kì đâu), whatever (bất kì cái gì) → chọn D.

Tạm dịch: Thỉnh thoảng, vấn đề có thể đối với những người mà bạn làm việc cùng, hoặc những bài tập bạn phải làm quen, hoặc bất kì nguyên nhân gì, khi mà doanh nghiệp gặp khó khăn, bạn phải tìm kiếm sự giúp đỡ.

151. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có frequent (thường xuyên), abundant (dồi dào), numerous (nhiều), plentiful (nhiều, đi với giới từ of) → chọn C.

Tạm dịch: Các nhân viên tư vấn kinh doanh sử dụng kinh nghiệm của họ để làm việc với nhiều công ty, to và nhỏ, để vượt qua thử thách họ đối mặt.

152. A

Phân tích: Ta có cấu trúc help somebody (to) do something (giúp đỡ ai đó làm việc gì) → sau help thì cần điền động từ nguyên mẫu → chọn avert (tránh xa, phòng ngừa).

Tạm dịch: Một nhân viên tư vấn kinh doanh có thể chủ động giúp đỡ phòng ngừa thất bại và phá sản.

TEST 4

101. C

Phân tích: Trong câu đã có động từ chính posted (được đăng, được dán) → không cần thêm động từ nào nữa → loại A, B, D → chọn to outline (để chỉ ra).

Tạm dịch: Các hướng dẫn được dán trên phía cửa sau để chỉ ra quy trình sơ tán trong trường hợp khẩn cấp.

102. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có production (sản xuất), producer (nhà sản xuất), products (sản phẩm), productive (năng suất) → chọn C.

Tạm dịch: Minerit sản xuất các sản phẩm mà đáp ứng mong đợi của khách hàng cũng như là các yêu cầu thay đổi theo thời gian của họ.

103. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có restrict (cấm, hạn chế), restrain (chế ngự, ngăn lại), replace (thay thế), recognise (công nhận) → chọn A.

Tạm dịch: Bởi vì bản chất công việc của chúng tôi, phòng thí nghiệm của công ty nằm trong khu vực hạn chế khách tham quan bên ngoài.

104. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta cần một đại từ quan hệ thay thế cho “they” và làm tân ngữ của câu. Mặt khác, câu đang ở dạng bị động → chọn C.

Tạm dịch: Tất cả các hóa đơn đều được gắn tem ngày khi chúng đến và được tiếp tục theo quy thứ tự bởi người mà nhận chúng.

105. B

Phân tích: Sau tính từ sở hữu her thì cần điền một danh từ → chọn potential (tiềm năng).

Tạm dịch: Để tiếp cận hết tiềm năng của cô ấy trong vai trò một biên dịch viên, cô ấy đã đi du lịch khắp thế giới và gặp nhiều loại người khác nhau nhất có thể.

106. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn A.

Tạm dịch: Đã có một tấm biển thông báo rằng có một đấu giá trang trại để đề nghị một vườn cây ăn quả bao gồm tất cả các cây.

107. B

Phân tích: Sau be thì có thể là Ved hoặc một tính từ → loại A, D. Ta có evaluative (có thể đánh giá) không hợp nghĩa trong trường hợp này → chọn evaluated (được đánh giá).

Tạm dịch: Một bản kiến nghị đề xuất bởi chính phủ rằng các giáo viên nên được đánh giá sẽ không được chấp thuận.

108. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có never (không bao giờ), neither (không), ever (bao giờ), rather (hơn là) → chọn B.

Tạm dịch: Nếu ban quản lý vẫn giữ quan điểm cứng rắn, không có thay đổi nào trong chính sách nghỉ phép sẽ được thông qua.

109. A

Phân tích: Sau các từ như made/keep/become/seem/maintain... + adj → chọn possible (có thể, khả thi).

Tạm dịch: Một vé mùa giải đặc biệt tại khu nghỉ dưỡng trượt tuyết Killington là điều khả thi cho những người trượt tuyết thường xuyên để hưởng thụ môn thể thao này với chi phí tiết kiệm đáng kể.

110. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có long (dài), nearer (gần hơn), expecting (mong đợi), foreseeable (có thể thấy trước) → chọn C.

Tạm dịch: Tình trạng giao dịch các chất bán dẫn hiện nay trên toàn cầu đã được xem là tồi tệ nhất và tôi thấy không có tín hiệu nào của sự thay đổi mong đợi trong tương lai.

111. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có attendant (người phục vụ), attendee (người tham gia), attending (tham dự), attention (sự chú ý) → chọn B (attendee là danh từ đếm được, muốn đứng đầu câu phải ở dạng số nhiều hoặc có mạo từ a/an/the đi cùng).

Tạm dịch: Những người tham gia hội nghị quốc tế Pensions được mong đợi đăng kí tại bàn chính trước khi đi vào hội trường.

112. B

Phân tích: Trong câu đang cần một chủ ngữ, đã có động từ can (có thể) → chọn B.

Tạm dịch: Nếu bạn nghĩ bạn có thể xóa nợ thuế trong năm, bạn có thể tăng số lượng của các khoản quyên góp từ thiện để giảm thuế.

113. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có ambitious (tham vọng), optimize (tối ưu hóa), confuse (bối rối), vague (mơ hồ) → chọn D.

Tạm dịch: Người tư vấn luật của tập đoàn đã cảnh báo giám đốc quản lí không kí vào hợp đồng vì một vài điều khoản rất mơ hồ.

114. C

Phân tích: Cần một danh từ làm tân ngữ của accepting (chấp thuận) → chọn donations (các khoản quyên góp).

Tạm dịch: Các đảng phái chính trị bị cấm chấp thuận các khoản quyên góp nhiều hơn \$200 khác với từ một danh sách nguồn riêng.

115. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta chọn physician (nhà vật lý) ở dạng số nhiều vì có few (một vài) đứng trước → chọn B.

Tạm dịch: Anh ấy là một trong một vài nhà vật lý sử dụng Internet để mở rộng khả năng của tâm thần học cho những người trước đó không thể tận dụng lợi thế của nó.

116. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có disruption (sự gián đoạn), ingenuity (khéo léo, ngây thơ, thật thà), hassles (bất tiện), sanitation (vệ sinh) → chọn C.

Tạm dịch: Với loại kính áp tròng dùng một lần mới hàng ngày, bạn có thể bỏ qua sự bất tiện của việc rửa kính áp tròng hàng ngày.

117. C

Phân tích: Trước chỗ trống là mạo từ the → điền một danh từ → chọn manager (người quản lý).

Tạm dịch: Người quản lý có thể hoãn quyền truy cập mạng của các nhân viên nếu anh ấy cân nhắc sự cần thiết để bảo vệ sự toàn vẹn của mạng.

118. C

Phân tích: Trước chỗ trống có the, sau chỗ trống đã có danh từ request (yêu cầu) → điền một tính từ → loại A, D. Mặt khác, trong câu không có than – dấu hiệu của so sánh hơn → loại B → chọn most frequent (thường xuyên nhất).

Tạm dịch: Yêu cầu thường xuyên nhất của mọi người cho chính phủ của thành phố là cải thiện tình trạng đường phố trong giờ cao điểm.

119. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn from (từ).

Tạm dịch: Bởi vì công nghệ, nó là điều khả thi cho các doanh nghiệp vận hành từ những địa điểm xa quốc gia.

120. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có barely (hầu như không), so (do vậy), very (rất), no sooner (không sớm hơn) → chọn C.

Tạm dịch: Marion Jones đã hầu như không hoàn thành chiến thắng của cô ấy khi Maurice Green trở thành nhà vô địch Olympic 100m.

121. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có propose (đề nghị), protect (bảo vệ), project (dự án), productive (hiệu suất) → chọn A.

Tạm dịch: Thu nhập đề nghị trung bình của phần lớn hộ gia đình Hàn Quốc được mong đợi sẽ tăng nhanh nếu hai miền Hàn Quốc được thống nhất.

122. A

Phân tích: Áp dụng thủ thuật before/after + V-ing → chọn beginning (bắt đầu).

Tạm dịch: Những người mà chịu đau từ cái lưng nên kiểm tra với một nhà cung cấp dịch vụ y tế trước khi bắt đầu một chương trình luyện tập.

123. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn B.

Tạm dịch: Sự gia tăng phi thường của doanh số bán nhà mới là một dấu hiệu cho hướng mở rộng nền kinh tế của khu vực.

124. C

Phân tích: Khi chỉ mã giảm giá, ta thường dùng by + giá/phần trăm → chọn C.

Tạm dịch: Bởi vì hôm nay là ngày kỉ niệm thứ 3 của cửa hàng này, tất cả các khách hàng có mã giảm giá BIGBIG có thể nhận được một giảm giá không tương tới 85%.

125. B

Phân tích: Sau chỗ trống là động từ examine (kiểm tra) → cần điền trạng từ → chọn closely (gần).

Tạm dịch: Những người đánh cá đã nghĩ nó là một chú cá lớn, nhưng khi họ kiểm tra gần hơn, họ nhận ra đây là những loài cá không quen thuộc.

126. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta thường chọn no + N. Danh từ trong trường hợp này là need (nhu cầu, sự cần thiết) → chọn A.

Tạm dịch: Sau một cuộc tranh biện dài, họ đã quyết định không cần mua thêm trang thiết bị văn phòng.

127. B

Phân tích: Trong các đáp án, chỉ có regarding (đối với, liên quan) có thể đứng đầu câu → chọn B.

Tạm dịch: Đối với kết quả của cuộc bầu cử, 49% (dân số) đất nước đang cảm thấy một lòng căm thù rục rịch cho 51% còn lại và ngược lại.

128. D

Phân tích: Sau chỗ trống là danh từ bid (giá thầu) → chọn whose. Câu này nếu không để ý kĩ thì sẽ bị lừa khi nhìn thấy those đằng trước và chọn who.

Tạm dịch: Ủy ban của tòa nhà đã thu hẹp danh sách các nhà thầu tiềm năng cho những người đặt giá thầu trong ngân sách.

129. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có of (của), between (giữa), among (giữa), under (dưới) → chọn D.

Tạm dịch: Hành lý xách tay nên được xếp gọn ở ngăn trên đầu của ghế trước mặt bạn.

130. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có predictably (có thể dự đoán), durably (một cách bền bỉ), promptly (một cách nhanh chóng), spontaneously (một cách tự nhiên) → chọn C.

Tạm dịch: Các lỗi hoặc thiếu sót trong bản sao kê nên được báo cáo nhanh chóng tới văn phòng phát hành.

131. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có found (sáng lập, thành lập), foundation (nền tảng, sự thành lập), finding (phát hiện) → chọn findings vì đây là danh từ đếm được, không đứng một mình ở dạng số ít.

Tạm dịch: Các phát hiện của cuộc khảo sát chỉ ra rằng nhượng quyền thương mại cho đến nay là cách phổ biến nhất cho các công ty nhà hàng Mỹ mở rộng tới thị trường nước ngoài.

132. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có although (mặc dù, đi cùng mệnh đề), because (bởi vì, đi cùng mệnh đề), despite (mặc dù, đi cùng Ving/N), due to (bởi vì, đi cùng Ving/N) → chọn A.

Tạm dịch: Bởi vì có nhiều sự cải thiện đã được làm cho bản đề nghị này, tôi nghĩ rằng ban giám đốc sẽ không chấp thuận nó.

133. A

Phân tích: Sau will be có thể là Ving (nếu câu mang nghĩa chủ động), hoặc Ved (nếu câu mang nghĩa bị động) → sau chỗ trống có giới từ to → chọn bị động

→ chọn A. Nếu sau chỗ trống là một tân ngữ thì chọn Ving.

Tạm dịch: Nếu bạn bị dừng lại bởi cảnh sát và nghi ngờ lái xe trong tình trạng say xỉn, bạn sẽ có thể bị yêu cầu làm một loại kiểm tra hơi thở.

134. B

Phân tích: Sau become cần điền một tính từ → loại A, D. Giữa B và C thì chọn B bởi vì từ sophisticated (phức tạp) là phải có ai đó tạo ra sự phức tạp đó, tức là mang nghĩa bị động.

Tạm dịch: Bởi vì mạng đã trở nên phức tạp hơn, kiến thức cần để cài đặt và bảo trì cũng tăng.

135. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có provided (cung cấp), pursuant (hoàn toàn), previous (trước đây), prior to (trước) → chọn D vì chỉ có prior mới đi với giới từ to.

Tạm dịch: Trước khi yêu cầu cho xác nhận viết tay của bạn, lá thư này sẽ phụ vụ để xác minh cuộc hẹn của bạn với bác sĩ Jones.

136. C

Phân tích: Thường thì danh động từ (dạng V-ing) đứng đầu câu làm chủ ngữ để chỉ hành động → chọn calling (gọi).

Tạm dịch: Gọi cho công ty du lịch hoặc Hertz để xác định số tiền phí có thể áp dụng với (nhà/khách sạn) được thuê của bạn.

137. A

Phân tích: Trước chỗ trống là một câu hoàn chỉnh (có S + V) → điền một trạng từ đứng cuối → chọn widely (một cách rộng rãi)

Tạm dịch: Cherry đen mọc hoang dã là một cây lớn, cái mà được phân phối rộng khắp các bang trong rừng cây, trang trại lâu năm và dọc theo hàng rào.

138. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có availability (khả dụng/có sẵn), application (đơn xin việc/ứng dụng), apprehension (sự e ngại), adaptability (khả năng thích ứng)

→ chọn A.

Tạm dịch: Sự giảm chi phí của chất bán dẫn dẫn đến sự có sẵn rộng rãi của máy tính xách tay.

139. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn but (nhưng).

Tạm dịch: Cô Roland sẽ vắng mặt vì đi công tác từ thứ 2 đến thứ 6, nhưng có thể liên lạc qua email.

140. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có consecutive (liên tục), following (tiếp theo), previous (trước đó), increasing (tăng) → chọn A.

Tạm dịch: Bất kì nhân viên sở hữu bài báo nghiên cứu được chọn để xuất bản trên tạp chí sẽ nhận được 10% tiền thưởng liên tục theo khoảng thời gian.

141. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ra có concern (lo lắng), optimize (tối ưu hóa), balance (cân bằng), press (ấn) → chọn C.

Tạm dịch: Điều này sẽ cân bằng không gian hơn trên lối đi.

142. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có adhere (tuân thủ một cách bắt buộc), approach (tiếp cận), belong (thuộc về), obey (tuân theo lời nói, mệnh lệnh của ai đó, làm theo thứ được yêu cầu) → chọn D.

Tạm dịch: Các quy tắc này cần tuân theo trong khu vực mua sắm.

143. D

Phân tích: Cả 3 phương án A, B, C đều là liên từ, đi với một mệnh đề → chọn giới từ without (không có, đi với danh từ/V-ing).

Tạm dịch: Có quá nhiều người mua sắm mà mang những mặt hàng không còn hóa đơn thanh toán, và khi chúng tôi kiểm tra thì nó không có trong cửa hàng của chúng tôi.

144. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, trong câu không cần thêm một từ loại nào nữa → chọn to serve (để phục vụ).

Tạm dịch: Chúng tôi, nhà hàng Golden Corral đang làm việc chăm chỉ mỗi ngày để phục vụ những đồ ăn tươi mới, ngon nhất và mang lại sự hài lòng nhất từ trước đến nay.

145. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có report (báo cáo), progress (sự tiến triển), increase (tăng), promotion (quảng cáo/thăng chức) → chọn D.

Tạm dịch: Các báo cáo và biểu đồ đã cho thấy sự tiến triển của chúng tôi trong kinh doanh, và các khách hàng hài lòng đã khiến chúng tôi hài lòng.

146. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có even as (thậm chí như), as if (như thể, như là), only if (chỉ khi), as much as (nhiều) → chọn D.

Tạm dịch: Chúng tôi sẽ tiếp tục nấu những món ăn tuyệt vời, và hi vọng bạn sẽ hài lòng với dùng tôi nhiều hơn lúc trước.

147. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có case (trường hợp), respect (tôn trọng), effect (hiệu quả), regard (về) → chọn B.

Tạm dịch: Không chỉ con trai tôi muốn làm bạn, mà cháu còn bảo với tôi rằng cháu đã học được một bài học về cách đối xử với bạn bè cùng sự tôn trọng.

148. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có manual (thủ công), further (hơn nữa), broadly (rộng), farther (xa hơn) → chọn B.

Tạm dịch: Chà, tôi có thể nói rằng sẽ không có rắc rối nào nữa giữa con trai ông và con trai tôi.

149. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có suspension (sự đình chỉ, dừng lại), compensation (bồi hoàn), precaution (đề phòng), performance (biểu diễn, hiệu suất) → chọn A.

Tạm dịch: Sự dừng lại này và sự thuộc về nhau đã bị kẹt lại trong một tháng đã dạy chúng không nên đánh nhau.

150. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có oneself (bản thân ai đó), yourself (chính bạn), herself (chính cô ấy), themselves (chính họ) → chọn B.

Tạm dịch: Các tài liệu được gửi là sự tiến triển và thông tin của bản thân bạn.

151. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có accurate (chính xác, đúng), dignified (đúng đắn, nghiêm túc), outspoken (thẳng thắn), permissible (có thể cho phép) → chọn A.

Tạm dịch: Để có một báo cáo phát triển chính xác, chúng tôi phải có một hồ sơ đúng của nhân viên.

152. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có soundly (đúng, chắc chắn), totally (hoàn toàn), seriously (một cách nghiêm túc), completely (hoàn toàn) → chọn C.

Tạm dịch: Chủ tịch công ty sẽ xem xét các báo cáo phát triển này một cách nghiêm túc, do đó vui lòng, chúng tôi yêu cầu bạn liên lạc với một trong chúng tôi. Cảm ơn.

TEST 5**101. B**

Phân tích: Đằng sau chỗ trống là một giới từ → cần một từ làm tân ngữ → loại those (thường làm chủ ngữ) và their (tính từ sở hữu, đứng trước danh từ), that (liên từ, thường làm chủ ngữ) → chọn B.

Tạm dịch: Để họ cung cấp những lợi ích cần thiết, các bác sĩ nha khoa liên kết với các chính sách bảo hiểm của các trường đại học phải đưa ra thẻ sinh viên còn hiệu lực.

102. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có suggest (đề nghị), wish (ước), need (cần), require (yêu cầu) → chọn D.

Tạm dịch: CRI.Inc yêu cầu tất cả các nhân viên phải đeo băng tên trong suốt thời gian trong nhà máy.

103. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có wish (ước), welcome (chào mừng), give (cho, tặng), look (tìm kiếm, nhìn) → chọn B.

Tạm dịch: Chúng tôi rất biết ơn ông Stern vì đã chào đón các cộng sự của chúng tôi.

104. C

Phân tích: Trước chỗ trống là mạo từ the → cần điền một danh từ → chọn manufacturer (nhà sản xuất).

Tạm dịch: Những khách hàng lo lắng về sự an toàn của sản phẩm được khuyến nên gọi điện tới nhà sản xuất sớm nhất có thể.

105. A

Phân tích: Trước chỗ trống là một câu hoàn chỉnh (có S+V+O) → cần điền một trạng từ → chọn promptly (một cách nhanh chóng). Thường thì nếu đề bài cho dạng _____ + giới từ, mà các phương án là các loại từ khác nhau → chọn trạng từ.

Tạm dịch: Thư viện và chuyên ngành khoa học thông tin nên được nhắc nhở trong buổi hội thảo bắt đầu ngay lúc 6:00 PM tại phòng 212B.

106. B

Phân tích: Sau chỗ trống có giới từ → câu đang ở dạng bị động → chọn B. Nếu sau chỗ trống là một tân ngữ (cụm danh từ) → câu ở dạng chủ động → có thể chọn Ving.

Tạm dịch: Buổi biểu diễn tối nay được dự định tăng nhận thức về sáng kiến đổi mới đô thị của thành phố chúng ta.

107. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có turn (xoay, lật), held (tổ chức), change (thay đổi), alter (sửa đổi) → chọn A.

Tạm dịch: Với sự kết thúc của cuộc bầu cử, ứng viên mới bây giờ có thể xoay chuyển sự chú ý của cô ta hướng tới giải quyết vấn đề thất nghiệp.

108. D

Phân tích: Trước chỗ trống là mạo từ the, sau chỗ trống đã có cụm danh từ outlay of assets (chi phí tài sản) → chọn một tính từ → chọn initial (ban đầu).

Tạm dịch: Chi phí ban đầu của công trình xây dựng các làn đường ô tô mới đã được trích dẫn trên báo như là nguyên nhân chính của sự giải tán dự án.

109. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có willing (sẵn sàng), optimistic (lạc quan), visionary (có tầm nhìn), assertive (quyết đoán) → chọn B.

Tạm dịch: Debbie Gillespie, giám đốc tài chính của Alabaster Chemicals Ltd, vẫn có tầm nhìn về ngân sách thuận lợi cho công ty trong năm tài chính này.

110. B

Phân tích: Trong câu đã có động từ chính wish (ước, muốn) → không cần thêm động từ nào nữa → chọn B.

Tạm dịch: Nếu bạn muốn nói chuyện với tôi, vui lòng đặt lịch hẹn qua thư kí của tôi tại tầng 10.

111. B

Phân tích: Ta thấy trong câu có cụm has been → dấu hiệu của thì hiện tại hoàn thành → chọn for.

Tạm dịch: Greg O’Leary đang có nghiên cứu hàng đầu trong phòng thí nghiệm của chúng tôi trong hơn 18 năm qua.

112. D

Phân tích: Trước chỗ trống là dấu hiệu của sở hữu cách (có ‘s) → sau chỗ trống cần điền một danh từ → chọn motivation (động lực).

Tạm dịch: Trong khi động lực của đội ngũ kĩ sư đã được cải thiện, năng suất chung đã giảm một cách đáng chú ý trong vòng 3 năm qua.

113. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có answer (trả lời), talk (nói chuyện), respond (phản hồi), reply (phản hồi) → chọn A.

Tạm dịch: Thư kí ở văn phòng tầng 2 trả lời email vào lúc 8 AM đến trưa.

114. D

Phân tích: Trước chỗ trống là trạng từ recently (gần đây), sau chỗ trống là danh từ manager (người quản lí) → cần điền một tính từ → loại B, C. Giữa appointing và appointed thì chọn appointed (được bổ nhiệm). Vì hành động bổ nhiệm là do ai đó tạo ra → mang nghĩa bị động → chọn Ved.

Tạm dịch: Vào cuộc họp ngày hôm qua, các nhân viên được giới thiệu về ông Peter McCabe, quản lí mới được bổ nhiệm gần đây của Dynasty Hotel ở Washington D.C.

115. D

Phân tích: Câu đã có đầy đủ các thành phần S + V + O → loại A, B. Dựa vào nghĩa, câu đang nhấn mạnh vào việc ông Fisher muốn tự làm việc → chọn D.

Tạm dịch: Ông Fisher thích tự làm các công việc kế toán ở công ty nhỏ của ông ấy thay vì thuê một kế toán.

116. A

Phân tích: Sau chỗ trống là động từ offer (cung cấp) → điền một trạng từ đứng trước → chọn A.

Tạm dịch: Những thư viện địa phương thường cung cấp các chương trình đọc cho trẻ em và dạy tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai (ESL-English as a Second Language) cho người lớn.

117. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có sequence (sự nối tiếp), decision (quyết định), invention (sự phát minh), situation (tình huống, tình trạng) → chọn C.

Tạm dịch: Phát minh của anh ấy về máy điều hòa không khí thân thiện với môi trường hơn đã làm cho tiến sĩ Miles Wilder trở nên nổi tiếng trong thành phố.

118. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có even if (thậm chí nếu), otherwise (tuy nhiên), no matter (không vấn đề), therefore (do đó) → chọn C.

Tạm dịch: Ông Kim ở phòng kế toán có tiếng trong việc giải quyết bất kì vấn đề nào, không quan trọng nó phức tạp như thế nào.

119. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có occur (xảy ra), attend (tham gia), contain (chứa đựng, bao gồm), arrive (đến) → chọn B.

Tạm dịch: Các cư dân địa phương được khuyến khích tham gia lễ ra mắt của bảo tàng mới.

120. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có requiring (yêu cầu), imperative (bắt buộc), indispensable (cần thiết), impressive (ấn tượng) → chọn C.

Tạm dịch: Nó là điều cần thiết rằng chúng ta phải giải quyết vấn đề trước khi chúng ta tiếp đến với cái tiếp theo.

121. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có approximately (một cách xấp xỉ), briefly (một cách tóm tắt), rapidly (liên tục), unpredictably (không thể dự đoán) → chọn A.

Tạm dịch: Người phục vụ sẽ cần xấp xỉ một giờ để chuẩn bị đồ ăn nhẹ cho diễn đàn.

122. D

Phân tích: Chỉ có those (những người) mới có thể đứng đầu câu làm chủ ngữ

→ chọn D.

Tạm dịch: Chỉ những người có thể thành viên được gia hạn mới có thể tham dự buổi hòa nhạc.

123. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có many (nhiều), some (một vài), most of (phần lớn), almost (hầu như) → chọn C.

Tạm dịch: Phần lớn các bác sĩ đã ngạc nhiên khi bệnh nhân hồi phục nhanh chóng từ chấn thương của anh ấy.

124. C

Phân tích: Trước chỗ trống là tính từ excellent (xuất sắc) → cần điền một danh từ đứng sau → chọn performance (công việc, hiệu suất).

Tạm dịch: Hiệu suất xuất sắc trong năm nay đã khiến nhà máy sản xuất của chúng ta nổi tiếng trong công ty.

125. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có procedure (quy trình), journey (hành trình), direction (hướng), receipt (hóa đơn) → chọn D.

Tạm dịch: Những khách hàng cần mang hóa đơn để được hoàn tiền trong vòng 2 tuần kể từ khi mua hàng.

126. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có mature (trưởng thành), produce (sản xuất), substantial (đáng kể), consumable (có thể tiêu thụ) → chọn C.

Tạm dịch: Phòng thí nghiệm máy tính sẽ trải qua những cải tạo đáng kể để đáp ứng nhu cầu của học sinh đang phát triển.

127. C

Phân tích: Đại từ quan hệ who thay thế cho anyone (bất kì ai), mà anyone sẽ đi với động từ số ít → chọn purchases (mua).

Tạm dịch: Bất kì ai muốn mua bếp từ mới bởi CTX. Ltd cuối tuần này nhận được một set 4 cái chảo chống dính.

128. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có into (trong), among (giữa), without (không có), along (dọc theo) → chọn D.

Tạm dịch: Casino Queen of Hearts sẽ ở đâu đó dọc theo đường cao tốc mới.

129. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có position (vị trí), itinerary (hành trình), circuit (mạch điện), pattern (mẫu) → chọn D.

Tạm dịch: Mô hình mẫu cho hội nghị xuất bản tuần này bao gồm đọc thơ và kí tặng sách bởi Dwayne T.White vào chiều thứ tư và một hội chợ việc làm vào chiều thứ 6.

130. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn C.

Tạm dịch: Một trong những kế hoạch được đề nghị bởi phòng thương mại bao gồm một triển lãm nông nghiệp hàng năm.

131. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có continue (tiếp tục), encourage (khuyến khích), proceed (tiếp tục sau khi dừng/hoãn), ensure (chắc chắn) → chọn B.

Tạm dịch: Những người giám sát đã được mong đợi rằng không chỉ giám sát công nhân mà còn tiếp tục công việc phát triển của họ.

132. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có inhibit (cản trở, cấm), prefer (thích hơn), enable (cho phép), keep (giữ) → chọn C.

Tạm dịch: Phần mềm mới sẽ cho phép công ty kế toán thực hiện quy trình kế toán hiệu quả hơn.

133. C

Phân tích: Sau chỗ trống là danh từ concern (lo lắng, quan ngại), trước chỗ trống có tính từ primary (chính) → chỉ có thể điền tính từ vào giữa → chọn C.

Tạm dịch: Mọi lo lắng chính giữa các nhà sản xuất của chúng tôi đó là thu thập các tài nguyên cần thiết với giá cả hợp lí.

134. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có nearly (gần), closely (gần), precisely (một cách chính xác), relatively (một cách tương đối) → chọn D.

Tạm dịch: Những nhân viên người mà trích dẫn lương của họ như một lí do để không gia hạn hợp đồng đại diện cho chỉ một con số tương đối những nhân viên nghỉ việc.

135. D

Phân tích: Sau chỗ trống là giới từ to → câu ở dạng bị động → chọn directed (được chuyển tới trực tiếp).

Tạm dịch: Những câu hỏi về mối quan tâm sản xuất nên được chuyển tới trực tiếp cho cô Helen Yan.

136. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có however (tuy nhiên), while (trong khi), as if (như thể, như là), as soon as (ngay khi) → chọn D.

Tạm dịch: Ngay khi tòa nhà nhận được sự cho phép, địa điểm sẽ được chuẩn bị xây dựng.

137. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có account for (giải thích cho), explain (giải thích), state (tuyên bố), adapt (thích nghi) → chọn A.

Tạm dịch: Thời tiết mùa hè ôn hòa dẫn đến việc kinh doanh chậm lại trong mùa này.

138. A

Phân tích: Câu đang cần một chủ ngữ đứng trước động từ propose (đề nghị)

→ dựa vào nghĩa → chọn A.

Tạm dịch: Cô Lucille Meyer nhận được sự công nhận cho những sự thay đổi của sản phẩm mà cô ấy đề nghị.

139. D

Phân tích: Trước chỗ trống là một câu hoàn chỉnh (có S+V) → điền một trạng từ → chọn occasionally (thỉnh thoảng).

Tạm dịch: Các thành viên ban giám đốc họp thỉnh thoảng, thường chỉ khi có một vấn đề.

140. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có despite (mặc dù), except (trừ khi), while (trong khi), equally (công bằng, ngang bằng) → chọn C.

Tạm dịch: Trong khi sự cho phép cho những buổi biểu diễn là miễn phí, những người thích đến rạp hát được khuyến khích quyên góp tiền để thể hiện sự ủng hộ của họ.

141. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có refresh (làm tươi mới), refund (hoàn tiền), refuse (từ chối), regard (về) → chọn B.

Tạm dịch: Những khách hàng bây giờ có thể được hoàn tiền một cách nhanh chóng và hiệu quả.

142. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có and yet (và còn), so that (để), even as (thậm chí là), even if (thậm chí nếu) → chọn D.

Tạm dịch: GreatMart đảm bảo rằng các món giảm giá tốt nhất trong thị trấn bởi vì khách hàng được cho phép sử dụng bất kỳ mã giảm giá nào (được in) trên báo địa phương, thậm chí nếu nó đến từ một cửa hàng khác.

143. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có comfortable (thoải mái), available (khả dụng, có sẵn), suitable (phù hợp), flexible (linh hoạt) → chọn B.

Tạm dịch: Mục tiêu sáng kiến của CEO GreatMart là để đảm bảo rằng tất cả những sản phẩm tốt nhất trên thị trường đều có sẵn trong cửa hàng mọi lúc.

144. B

Phân tích: Sau chỗ trống là giới từ to → câu bị động → chọn limited (bị giới hạn).

Tạm dịch: Những nhân viên được khuyến khích đăng kí sớm cho buổi hội thảo, vì số lượng người tham gia bị giới hạn 50 người.

145. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có solid (chắc), full (đầy), done (đã xong), used (đã sử dụng) → chọn B.

Tạm dịch: Nếu một buổi đã đầy chỗ, tuy nhiên, nhân viên có thể yêu cầu họ liên lạc nếu chỗ ngồi được mở rộng.

146. A

Phân tích: Thông báo này đang chỉ một dự định (buổi hội thảo sắp diễn ra) → chọn thì tương lai đơn → chọn will be held (được tổ chức).

Tạm dịch: Những buổi hội thảo sắp tới sẽ được tổ chức tại tầng 5, tòa nhà Staffor Suite.

147. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có improve (cải thiện), compete (cạnh tranh), promote (quảng cáo, thăng chức), combine (hợp lại, bao gồm) → chọn D.

Tạm dịch: Hai công ty viễn thông châu Âu đã thông báo rằng họ đang sáp nhập. Teleparle của Paris và công ty Transcom của Tây Ban Nha sẽ hợp lại thành Telemonde.

148. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có present (hiện tại), future (tương lai), brief (tóm tắt), potential (tiềm năng) → chọn A.

Tạm dịch: Giám đốc hiện tại của Teleparle, Greta LaSalle nói: “Sự sáp nhập của các tập đoàn này có nghĩa là Telemonde sẽ trở thành gã khổng lồ viễn thông trong thế kỉ 21. ”

149. C

Phân tích: Thủ thuật: khi các phương án là các dạng từ khác nhau của follow thì chọn following (theo như, theo dõi) đứng đầu câu → chọn C.

Tạm dịch: Theo dõi thương vụ sáp nhập, LaSalle sẽ tiếp tục vị trí lãnh đạo của cô là một CEO.

150. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có thanks to (nhờ có), because (bởi vì), now that (bây giờ thì), in case of (trong trường hợp) → chọn A.

Tạm dịch: Dựa trên khảo sát hoàn thành bởi những khách hàng, chúng tôi đã khám phá ra rằng cấu trúc của hóa đơn đặt hàng cần một vài thay đổi. Nhờ có sự cải tiến bởi các chuyên gia dịch vụ của chúng tôi, chúng tôi đã có thể tạo ra những bản sao kê dễ đọc hơn.

151. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có firm (vững chắc), definite (chắc chắn một cách tuyệt đối), certain (nhất định), established (thành lập) → chọn B.

Tạm dịch: Cấu trúc của hóa đơn sẽ có sự khác biệt đáng kể, nhưng bạn có thể chắc chắn rằng những dịch vụ của chúng tôi và các loại phí sẽ giữ nguyên.

152. D

Phân tích: Trong câu cần một động từ sau chủ ngữ it, mà câu lại đang nói ở thì hiện tại đơn → chọn provides (cung cấp).

Tạm dịch: Thông báo được đính kèm nên được đọc cẩn thận, nó cung cấp thông tin liên quan tới mỗi phần hóa đơn của bạn.

TEST 6**101. A**

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có discouraged (không khuyến khích), disappointed (thất vọng), dissatisfied (không hài lòng), discounted (giảm giá) → chọn A.

Tạm dịch: Mọi người được chào đón để đi bộ xung quanh hội trường triển lãm, nhưng khách tham qua không được khuyến khích ăn hoặc uống.

102. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn unless (trừ khi).

Tạm dịch: Tôi có một cuộc họp quan trọng chiều nay với những nhà đầu tư tiềm năng, do đó vui lòng không gọi tôi trừ khi đó là trường hợp tuyệt đối khẩn cấp.

103. D

Phân tích: Sau động từ to be “were” thì điền một tính từ → loại A, C. Giữa impressive và impressed thì chọn impressed (bị gây ấn tượng) vì sau chỗ trống có giới từ with → dấu hiệu của câu bị động.

Tạm dịch: Mặc dù chúng tôi ấn tượng với chất lượng cao của tay nghề công nhân và vật liệu, chúng tôi đã cảm thấy chi phí của máy đóng gói quá cao.

104. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có can (có thể), will (sẽ), must (phải), should (nên) → chọn A.

Tạm dịch: Trừ khi chúng ta sửa chữa rò rỉ khí gas sớm, chúng ta đang làm rủi ro của tình hình càng nghiêm trọng cái mà chúng ta có thể phải sơ tán khỏi khu vực sản xuất.

105. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có donate (quyên góp), grant (ban, cấp), present (hiện tại), provide (cung cấp) → chọn D.

Tạm dịch: Nếu bạn có thêm bất kì câu hỏi nào, vui lòng liên lạc tới nhân viên quầy lễ tân người mà sẽ vui vẻ cung cấp thêm cho bạn sự giúp đỡ.

106. A

Phân tích: Ta có cụm từ employment contract (hợp đồng lao động) → chọn A.

Tạm dịch: Những cuộc đàm phán giữa ban quản lí và những người công nhân về hợp đồng lao động mới cuối cùng đã đi đến kết luận tại một cuộc họp với người lãnh đạo công đoàn tối hôm qua.

107. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có design (thiết kế), approve (chấp thuận), confirm (xác nhận), depend (phụ thuộc vào) → chọn C.

Tạm dịch: Những kết quả của cuộc nghiên cứu khảo sát thị trường đã xác nhận rằng danh tiếng của công ty đã bị tổn hại bởi vì báo cáo tiêu cực trên báo chí đầu năm nay.

108. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có presumably (có lẽ, đoán chừng), proportionately (tỷ lệ thuận), practically (thực tế), passionately (say mê) → chọn A.

Tạm dịch: Cho đến khi hội nghị kết thúc, mọi người đã rất mệt đến nỗi mà họ có lẽ đã ngủ gật.

109. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có exchange (trao đổi), transfer (chuyển), hand over (trao tay), renounce (từ bỏ) → chọn A.

Tạm dịch: Những khách hàng người mà không hài lòng với bất kì sản phẩm nào của chúng tôi có thể mang chúng trở lại bất kì lúc nào và đổi lấy một sự thay thế khác theo lựa chọn của họ.

110. B

Phân tích: Trong câu đã có động từ → chọn một đại từ quan hệ làm chủ ngữ → chọn which (cái mà). Không chọn that vì that không đứng sau dấu phẩy.

Tạm dịch: Chúng tôi chưa từng có một tai nạn nào trong lịch sử công ty, cái mà là một kỉ lục an toàn trong ngành công nghiệp mà chúng tôi tự hào.

111. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có refer (nhắc đến, ám chỉ), evaluate (đánh giá), identify (nhận định, nhận dạng), categorize (phân loại) → chọn C.

Tạm dịch: Cảnh sát yêu cầu nhân chứng nhìn một vài bức ảnh và cố gắng nhận dạng người đàn ông mà họ thấy chạy ra ngoài ngân hàng.

112. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có mobility (di động), diversity (đa dạng), adversity (nghịch cảnh, đen đủi), capacity (sức chứa) → chọn B.

Tạm dịch: Một điều mà đáng chú ý về buổi tranh biện đó là sự đa dạng lớn của các ý kiến được thể hiện bởi những người tham gia.

113. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có sincerely (thành thật), generously (hào phóng), heavily (nặng nề), sharply (sắc bén) → chọn D.

Tạm dịch: Mặc dù có sự thay đổi trong nền kinh tế toàn cầu, doanh số bán hàng đã tăng một cách sắc bén trong vòng 2 tháng qua.

114. C

Phân tích: Sau chỗ trống là danh từ time (thời gian) → cần điền một tính từ đứng trước → chọn wonderful (đẹp, tuyệt vời).

Tạm dịch: Sự kiện gây quỹ là một thành công lớn, và mọi người tham gia đã có một khoảng thời gian tuyệt vời.

115. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có experience (trải nghiệm), absolute (tuyệt đối), well (tốt), fluent (trôi chảy) → chọn D.

Tạm dịch: Bởi vì cô ấy có thể nói trôi chảy tiếng Italia, Simone đã đến với chúng tôi trên chuyến công tác tới Rome.

116. B

Phân tích: Sau chỗ trống là một danh từ → cần điền một tính từ sở hữu → chọn its (của nó).

Tạm dịch: Sự tăng lương cho toàn bộ nhân viên một cách như nhau là rất công bằng và là một cách hiệu quả về chi phí cho công ty để tạo động lực cho các nhân viên của họ và thúc đẩy hiệu suất làm việc.

117. C

Phân tích: Sau chỗ trống là danh từ job (công việc), trước chỗ trống là từ very (rất) → chọn một tính từ → chọn tiring (mệt mỏi) vì bản thân cảm nhận tiring là do con người tạo ra, tác động lên công việc (dùng để mô tả công việc) → chọn tiring mà không chọn tired.

Tạm dịch: Làm việc trên dây chuyền sản xuất tự động là một công việc rất mệt mỏi, nhưng được trả lương tốt hơn các bộ phận khác trong nhà máy.

118. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có handy (tiện dụng), hefty (cường tráng), hardly (khó khăn), healthy (tốt cho sức khỏe) → chọn A.

Tạm dịch: Bản đồ mà bạn gửi cho chúng tôi đưa ra hướng đi đến văn phòng của bạn rất tiện dụng, tôi nghĩ nếu thiếu nó thì chúng tôi đã bị lạc.

119. B

Phân tích: Sau chỗ trống là giới từ in → câu bị động → chọn permitted (được cho phép).

Tạm dịch: Những người cắm trại tại công viên quốc gia được chào đón để leo núi bất kì nơi nào họ muốn, nhưng câu cá trong các hồ và sông thì lại không được phép để bảo vệ sự cân bằng quần thể động vật hoang dã.

120. A

Phân tích: Dựa vào dấu hiệu của câu điều kiện, về trước có would not have → câu điều kiện loại 2 → chọn were.

Tạm dịch: Tôi biết những cuộc thương lượng rất khó, nhưng tôi sẽ không đồng ý cho sự giảm giá lớn nếu tôi là bạn.

121. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có preparation (sự chuẩn bị), legislation (lập pháp), translation (biên dịch), declaration (tuyên ngôn) → chọn A.

Tạm dịch: Chúng tôi tin rằng bí mật của tất cả người thành công trong các dự án của chúng tôi đến từ thiết kế tốt và sự chuẩn bị kỹ lưỡng.

122. D

Phân tích: Ta có cụm from...to (từ...đến) → chọn D.

Tạm dịch: Sau một thời gian hoãn chuyến dài vì thời tiết xấu, chuyến bay của chúng ta từ London đến Vancouver cuối cùng chậm mất 6h so với lịch trình.

123. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có because (bởi vì, đi với mệnh đề), even though (mặc dù, đi với mệnh đề), despite (mặc dù, đi với Ving/N), however (tuy nhiên, đi với mệnh đề) → chọn B.

Tạm dịch: Một thợ điện được gọi để kiểm tra cảnh báo cháy, cái mà đã tắt một vài lần trong tòa nhà văn phòng mặc dù nó ở đó không có khói.

124. C

Phân tích: Sau chỗ trống là danh từ members (các thành viên) → chọn một tính từ đứng trước → chọn knowledgeable (có kiến thức).

Tạm dịch: Ông Arakawa được chọn để dẫn dắt dự án bởi vì ông ấy là một trong những thành viên chăm chỉ và có kiến thức của team.

125. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn each other (lẫn nhau). Xem lại cách dùng ở Câu 150 - Test 2.

Tạm dịch: Khi Mike và Claude trở thành đối tác kinh doanh, họ biết rằng để công ty thành công thì họ sẽ phải hoàn toàn tin tưởng lẫn nhau.

126. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có conception (quan niệm), deception (điều dối trá), exemption (sự miễn trừ), exception (sự ngoại lệ)

Tạm dịch: Theo như buổi biểu diễn tại đêm đầu tiên của vở kịch, tất cả những đánh giá, với không một sự ngoại lệ, toàn là lời khen.

127. B

Phân tích: Chỗ trống cần một tân ngữ cho động từ pass (đưa) → chọn me.

Tạm dịch: Bạn có thể vui lòng đưa cho tôi thư mục màu xanh ở bên kia trên cái giá không?

128. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có show up (đến nơi được hẹn trước), enquire (hỏi), arrive (đến), appear (xuất hiện) → chọn A.

Tạm dịch: Mặc dù sự hiện diện của chúng tôi tại buổi triển lãm không lớn, nhưng sự kiện đã diễn ra rất tốt bởi vì nhiều khách hàng tiềm năng đã đến hơn mong đợi.

129. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có something (một vài), anything (bất kì cái gì), everything (mọi thứ), nothing (không cái gì) → chọn A.

Tạm dịch: Báo cáo đã kết luận rằng những tổn thất nặng nề đã duy trì suốt năm ngoái có nghĩa là một thứ gì đó có thể đã được làm để cứu công ty khỏi phá sản.

130. B

Phân tích: Vế trước của câu đang ở thì quá khứ đơn → vế sau chọn was.

Tạm dịch: Sau khi Roberto được thăng chức lên người giám sát ở bộ phận đóng gói, anh ấy đã được cho tự do thay đổi những quy trình cần thiết.

131. B

Phân tích: Sau chỗ trống có danh từ explanation (sự giải thích) → chọn một tính từ → chọn rational (có lý).

Tạm dịch: Những nhà phân tích kinh doanh đã bị ngạc nhiên bởi thông báo rằng Incept Corp sẽ đóng cửa, và họ có thể không có sự giải thích hợp lý cho quyết định này.

132. A

Phân tích: Ta có cụm in an attempt to (trong một nỗ lực để) → chọn A.

Tạm dịch: Nội thất trong cửa hàng cắt giảm mạnh giá các mặt hàng ghế sofa sang trọng trong một nỗ lực để tạo ra nhiều doanh số hơn.

133. B

Phân tích: Chỗ trống cần điền một từ có thể đóng vai trò là danh từ để hoàn thiện cụm the crops ____ → chọn suffering (đau, thiệt hại) → chọn B.

Tạm dịch: Sự thiếu hụt mưa trong nhiều tuần đã gây cho các loài cây thiệt hại và sẽ là không có nghi ngờ gì trong việc tăng giá thực phẩm trong những tháng tới.

134. D

Phân tích: Ta có cụm so sánh hơn “much better than” (tốt hơn nhiều so với)

→ chọn D.

Tạm dịch: Nhà sản xuất café Zoe đã tặng chúng tôi một món quà cưới tốt hơn nhiều so với cái lần trước chúng ta có, phải không?

135. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, câu đang nói về một dự định, và đã có động từ chính take place (diễn ra) → chọn will.

Tạm dịch: Lễ trao giải “Best in business” hàng năm, sự kiện uy tín nhất trong năm, sẽ diễn ra tại Grosvenor Center vào thứ 7, 3/6.

136. C

Phân tích: Trong câu đã có động từ chính expect (mong đợi) → không điền thêm một động từ nào nữa → chọn to go.

Tạm dịch: Tôi đã bị ngạc nhiên bởi những bình luận tích cực tôi nhận được sau bài nói của tôi, bởi vì tôi chưa bao giờ mong đợi nó tốt đến thế.

137. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có accept (chấp nhận), effect (hiệu quả, hiệu ứng, là kết quả của một sự thay đổi), affect (ảnh hưởng, tạo ra sự thay đổi cho cái gì đó), infect (lây nhiễm) → chọn C.

Tạm dịch: Sự vui thích của chuyến đi câu cá thám hiểm này đã ảnh hưởng nghiêm trọng bởi thời tiết, cái mà đã gây ra cho nhiều thành viên của nhóm chúng tôi say sóng.

138. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có part (bộ phận), type (loại), amount (số lượng, đi với giới từ of), quantity (số lượng) → chọn B.

Tạm dịch: CompuWorld, siêu cửa hàng điện tử, nổi tiếng bởi kho hàng gần như có bất kì loại máy tính nào bạn có thể nghĩ về.

139. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có every (tất cả), nobody (không một ai), none (không), each (mỗi) → chọn D.

Tạm dịch: Bữa ăn tại nhà hàng trung tâm thành phố rất đắt, chúng tôi đã quyết định chia nhau chi phí và mỗi chúng tôi trả \$25.

140. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có remarkably (đáng kể), strictly (ng nghiêm khắc), extremely (rất), mainly (chủ yếu) → chọn C.

Tạm dịch: Lindsey Martinez, Giám đốc chiến dịch tại Hope Hospital, đã nói sự tăng lên của số lượng bệnh nhân bị đau bởi bệnh nhiệt đới rất báo động.

141. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có sight (cảnh), view (góc nhìn), vision (tầm nhìn), mirage (ảo ảnh) → chọn B.

Tạm dịch: Bạn có thể vui lòng xác nhận rằng phòng sẽ có một ban công với view biển như đã hứa được không?

142. C

Phân tích: Câu đang nói về một điều trong tương lai → chọn will have.

Tạm dịch: Bạn có thể xác nhận rằng khách sạn sẽ cung cấp Internet và phòng sẽ có một kết sắt được không?

143. D

Phân tích: Trước chỗ trống là tính từ prompt (nh nhanh chóng) → chọn danh từ đi sau → chọn response (phản hồi).

Tạm dịch: Cảm ơn vì thời gian của bạn, và tôi mong sự phản hồi nhanh chóng của bạn.

144. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có vigilant (cẩn thận, cảnh giác), precious (quý báu), predictable (có thể dự đoán), trustworthy (đáng tin cậy) → chọn D.

Tạm dịch: Chúng tôi đã được bình chọn là công ty nhân khoa đáng tin cậy nhất đất nước trong vòng 10 năm qua.

145. D

Phân tích: Sau could be (có thể) cần điền một tính từ → loại B, C. Mặt khác, enjoy (thích thú, hưởng thụ) là cảm giác mà có ai đó/sự kiện gì đó/vật gì đó tác động lên con người → mang nghĩa bị động → chọn enjoyed.

Tạm dịch: Sớm thôi, bạn có thể hưởng thụ sự yên bình trong tâm trí đến cùng với việc bạn biết bạn đang quản lý những nhân viên quan trọng nhất của công ty.

146. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn among (giữa nhiều người/vật).

Tạm dịch: Phân chia mã giảm giá cho các nhân viên, và họ có thể dùng tại bất kỳ cửa hàng nào.

147. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn B.

Tạm dịch: Các thống kê đề nghị rằng stress liên quan tới công việc ảnh hưởng tới đàn ông và phụ nữ như nhau, nhưng những công nhân có tuổi sẽ đau khổ hơn nhiều so với người trẻ.

148. A

Phân tích: Do trong câu đã có động từ chính found (tìm thấy) rồi → về sau là mệnh đề quan hệ rút gọn. Mệnh đề đầy đủ: The poll found that 84% of respondents [who is] experienced high levels of stress at some point in their lives.

Tạm dịch: Khảo sát cho thấy rằng 84% người phản hồi rằng họ đã bị trải qua stress ở mức độ cao ở một vài điểm nào đó trong cuộc sống của họ.

149. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có strictly (ng nghiêm khắc), definitely (chắc chắn), unanimously (nhất trí), virtually (hầu như) → chọn D.

Tạm dịch: Hình như hầu hết không ai miễn nhiễm với stress.

150. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có missing (mất, dùng để chỉ có sự tác động của con người với tình huống phức tạp), absent (vắng mặt), misplace (nhầm chỗ), lost (mất, dùng chỉ vật và thú cưng, ý là con người không thể tìm thấy chúng) → chọn A.

Tạm dịch: Nó bao gồm máy tính xách tay của khách hàng bị lấy từ Study Center 1, một trong những camera mới của chúng ta bị mất từ khu vực lễ tân, và ví của Carol Miller, cái mà rõ ràng đã bị trộm hôm qua từ bàn làm việc của cô ấy trong khi cô ấy đang ăn trưa.

151. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có yet (còn), even if (thậm chí nếu), ever (bao giờ), still (vẫn) → chọn B.

Tạm dịch: Luôn luôn khóa đồ đạc khi bạn rời đi, thậm chí nếu đó chỉ là một khoảng thời gian ngắn.

152. C

Phân tích: Trong câu đã có động từ chính là report (báo cáo) → về sau là mệnh đề quan hệ rút gọn. Mệnh đề đầy đủ là: Please be vigilant and report anyone [who acts] in a suspicious manner to Bob or Michael in Security immediately. Cụm who acts → acting → chọn C.

Tạm dịch: Vui lòng cảnh giác và báo cáo bất kì ai hành động nghi ngờ tới Bob và Michael ở bộ phận an ninh ngay lập tức.

TEST 7**101. B**

Phân tích: Sau chỗ trống là động từ to be “were” → chọn một chủ ngữ hợp nghĩa → chọn C.

Tạm dịch: Khi tôi rời khỏi văn phòng của người quản lí, có nhiều ứng viên khác đang chờ để đi vào.

102. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có despite (mặc dù, đi cùng Ving/N), although (mặc dù, đi cùng mệnh đề), however (tuy nhiên), while (trong khi/bởi vì) → chọn B.

Tạm dịch: Bà Simpson trông có vẻ đã ổn định với vai trò mới rất tốt, mặc dù bà ấy mới chỉ là quản lí phục vụ khoảng vài tháng.

103. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có tất cả các phương án đều có nghĩa là từ chối. Tuy nhiên, deny dùng khi ai đó từ chối thừa nhận một sự thật; reject dùng khi phủ nhận/từ chối vì không phù hợp với sở thích/yêu cầu/hành vi của ai đó; refuse dùng khi không muốn làm điều gì đó; negate có nghĩa là phủ nhận → chọn C.

Tạm dịch: Khi tôi nói chuyện với Karl về máy tính bảng bị mất, anh ấy phủ nhận rằng anh ấy đã sử dụng hoặc nhìn thấy nó.

104. C

Phân tích: Áp dụng cấu trúc song song với từ and, ta có trước từ and, cấu trúc câu là have + PII → sau từ and cũng phải dùng cấu trúc đó → chọn have missed (lỡ, bỏ sót).

Tạm dịch: Tôi nên ghi lại ghi chú trên lịch, và từ đó tôi sẽ không bị lỡ mất cuộc họp.

105. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có stress (căng thẳng), sprain (bong gân), stretch (căng, duỗi ra), spray (xịt nước) → chọn B.

Tạm dịch: Marlon đã không làm việc trong 3 tuần trước bởi vì anh ấy bị bong gân ở mắt cá chân.

106. A

Phân tích: Ta có cụm từ credit card authorization có nghĩa là sự ủy quyền thẻ tín dụng → chọn A.

Tạm dịch: Một khoản tiền gửi hoặc ủy quyền thẻ tín dụng được yêu cầu cho những đơn hàng trên \$50.

107. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có flow (lưu lượng), float (nổi), flew (đã bay), fled (bỏ trốn) → chọn C.

Tạm dịch: Tôi ban đầu đã hy vọng sẽ đi chuyến hành trình bằng tàu, nhưng cuối cùng tôi đã bay bởi vì đó là cách duy nhất để đến đó đúng giờ.

108. B

Phân tích: Ta có cụm từ put something off nghĩa là bỏ, tắt, trì hoãn, tạm dừng → chọn B.

Tạm dịch: Bạn không được phép đeo kính khi bạn chụp ảnh để làm hộ chiếu, do đó nhớ tháo nó ra.

109. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có streak (vết), stroke (cú đánh), strip (miếng, dải), stripe (đường sọc) → chọn C.

Tạm dịch: Trong buổi hướng dẫn nấu ăn, đầu bếp cắt bánh ngọt thành cái các miếng mỏng sử dụng một con dao sắc.

110. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có instead (thay vì), in case (trong trường hợp), except (ngoại trừ), rather than (hơn là) → chọn D.

Tạm dịch: Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn, sẽ là tốt hơn khi cung cấp những món hàng rẻ hơn cho mua số lượng lớn hơn là tăng giá những đơn vị sản phẩm.

111. B

Phân tích: Có since → dấu hiệu của thì hiện tại hoàn thành → loại A, D. Dựa vào nghĩa, ta có laid (đặt nằm hoặc để - đối với động vật), lied (nói dối) → chọn B.

Tạm dịch: Từ khi chúng tôi thay đổi thương hiệu đồ ăn cho những chú gà, nó đã đẻ nhiều hơn 20% số lượng trứng.

112. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có against (dựa vào), toward (hướng tới), onto (trên), about (về) → chọn A.

Tạm dịch: Người giám sát công trình đã nhắc nhở các công nhân kiểm tra cái thang đã dựa chắc vào tường hay chưa trước khi trèo lên nó.

113. C

Phân tích: Do về sau có would have + PII → câu điều kiện loại 3 → về trước ở dạng had + PII → chọn C.

Tạm dịch: Nếu Jack đến cuộc họp thứ 4 tuần trước, tôi sẽ chắc chắn nhìn thấy anh ấy.

114. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có lend (cho ai đó mượn), lone (đơn độc), lent (quá khứ của lend), loan (khoản vay) → chọn D.

Tạm dịch: Chúng tôi không có nhiều tiền tiết kiệm, do đó chúng tôi không thể mua chung cư trừ khi chúng tôi có một khoản vay ngân hàng.

115. A

Phân tích: Sau must be cần điền động từ dạng quá khứ → loại ground (căn cứ, đất), groaned (than vãn, rên rỉ), grin (nghiên, xay) → chọn grinded (được nghiền, xay).

Tạm dịch: Hạt café phải được xay nhuyễn để mang đến hương vị tốt nhất.

116. A

Phân tích: Ta có cụm từ “at least” nghĩa là “ít nhất là” → chọn A.

Tạm dịch: Tôi nhận ra rằng học phần mềm mới có thể thỉnh thoảng gặp khó, nhưng ít nhất bạn có thể thử nó một lần.

117. D

Phân tích: Ta có cụm từ turn down trong ngữ cảnh của câu có nghĩa là từ chối → chọn D.

Tạm dịch: Mặc dù ủy ban sản phẩm đã làm một bản đề nghị hợp lí, ban quản lí đã từ chối nó.

118. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có aside (bên cạnh, xa với thứ gì đó), next to (bên cạnh), between and (giữa), beside (gần với, bên cạnh) → chọn A.

Tạm dịch: Khi bạn đã sử dụng xong giấy, bạn sẽ tìm nhiều hơn ở bên cạnh máy copy to.

119. A

Phân tích: Ngoại trừ need (cần) ra, thì các phương án còn lại đều có nghĩa là “phải”, nhưng ở các mức độ khác nhau:

- Have to: trách nhiệm mà người nghe phải làm → chọn A.
- Must: nghĩa vụ mà nhất định người nghe phải làm theo.
- Ought to: giống với should (nên, phải), mang nghĩa là nên làm, không làm cũng không sao.

Tạm dịch: Khi công dân các nước thuộc Liên minh châu Âu EU đi công tác trong châu Âu, họ có phải có hộ chiếu không?

120. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có ask (hỏi), require (yêu cầu), hope (hy vọng), demand (nhu cầu) → chọn B.

Tạm dịch: Với một tuần làm việc ngắn, các công nhân đình công đang yêu cầu tăng lương.

121. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có force (bắt buộc), made (làm, tạo ra), led (quá khứ của lead – lãnh đạo, dẫn dắt, dẫn đến), cause (gây ra) → chọn D.

Tạm dịch: Cái gì đã gây ra việc giám đốc khu vực quyết định dời địa điểm kho chính đến Chicago?

122. D

Phân tích: Ta có cụm interest in (quan tâm đến) → chọn D.

Tạm dịch: Ông Burt là một quản lý tài chính, nhưng anh ấy cũng có mối quan tâm lớn đến khía cạnh sản xuất của doanh nghiệp.

123. B

Phân tích: Câu đang diễn tả sự việc xảy ra ở thì quá khứ đơn → chọn left (quá khứ của leave – rời đi).

Tạm dịch: Công ty xe bus đã xác nhận rằng chuyến xe vào lúc 05:12 đã rời đi đúng giờ, nhưng với thời tiết này, họ mong nó gần như chắc chắn sẽ bị trì hoãn khi đến đây.

124. C

Phân tích: Sau chỗ trống có danh từ resume (sơ yếu lý lịch) → chọn một tính từ sở hữu đứng trước → chọn their (của họ).

Tạm dịch: Những ngày này phần lớn những người ứng tuyển cho công việc với chúng tôi gửi cho chúng tôi sơ yếu lý lịch của họ qua email.

125. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có any (bất kì), none (không), much (nhiều), few (một vài) → chọn A.

Tạm dịch: Chúng tôi đã bị ngạc nhiên vì không nhận ra bất kì cái tên nào trong danh sách khách mời của bữa tiệc khởi chạy sản phẩm mới.

126. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có lane (làn đường), way=road (đường), track (đường ray) → chọn A.

Tạm dịch: Thời gian du lịch đến và đi khỏi thành phố đã giảm đáng kể nhờ có đường cao tốc chính mới, cái mà có 4 làn mỗi hướng.

127. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có could (có thể làm gì đó), might (có thể, nói về một việc có xác suất xảy ra mà mình không chắc), must (phải), should (nên) → chọn B.

Tạm dịch: Mary đã ở Paris trong chuyến công tác tuần trước, do đó bạn có thể không nhìn thấy cô ấy ở thị trấn thứ 6 tuần trước.

128. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có cross (vượt qua, động từ), though (mặc dù), across (vượt qua, giới từ), through (xuyên qua) → loại B, D. Câu đã có động từ see (nhìn) → không chọn thêm động từ → chọn C.

Tạm dịch: Cái màn trong phòng khách sạn đã quá cũ và mỏng đến nỗi mà bạn có thể nhìn hầu hết qua chúng.

129. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có want (muốn), wish (ước muốn), hope (hy vọng), desire (mong muốn, khao khát) → chọn B.

Tạm dịch: Tôi rất lấy làm tiếc khi bạn quyết định rời khỏi công ty, nhưng tôi ước cho bạn mọi điều tốt nhất trong sự nghiệp tương lai.

130. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có dark (tối), dim (lờ mờ), down (dưới), thin (gầy, mỏng) → chọn B.

Tạm dịch: Nó gần như là không thể để nhìn bất kì thứ gì ở phòng hội nghị bởi vì ánh sáng quá mờ.

131. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn B.

Tạm dịch: Khi được hỏi anh ấy đã đề nghị cái gì để nhận được sự ưu ái của công ty, giám đốc điều hành mới đã thất bại trong việc đưa ra một câu trả lời hài lòng những cổ đông.

132. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có dish (món ăn, đĩa), plate (đĩa), course (khóa học), meal (bữa ăn) → chọn A.

Tạm dịch: Buổi tiệc gala tối cho lễ trao giải bao gồm 5 món ăn và thêm món tráng miệng.

133. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có shortage (sự thiếu, dùng khi không có đủ thứ gì đó cần thiết), shortfall (sự thiếu, dùng khi bị thiếu thứ gì đó so với mong đợi), shorten (làm ngắn lại), short (quần đùi) → chọn B.

Tạm dịch: Vài sự thiếu nước trong suốt phía nam đã tác động nghiêm trọng tới những khách tham quan khu vực.

134. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có abruptly (đột ngột), especially (đặc biệt là), previously (trước đó), relatively (một cách liên quan) → chọn D.

Tạm dịch: Ba ứng viên người mà được chọn để tham dự buổi phỏng vấn thứ 2 đều đã làm việc liên quan tới tiếp thị qua điện thoại.

135. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có rule (quy tắc), line (đường thẳng, dây chuyền sản xuất), law (luật), practice (thực hành) → chọn A.

Tạm dịch: Như một quy tắc, bệnh viện không cho phép khách tham qua người mà gần như không liên quan đến thăm vào cuối tuần.

136. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có defer (hoãn lại), degrade (làm suy thoái), delay (hoãn, làm chậm lại), dismay (mất tinh thần) → chọn C.

Tạm dịch: Trong buổi đêm, tất cả các tàu đường dài đã bị hoãn bởi vì một cơn bão rất lớn.

137. B

Phân tích: Sau chỗ trống cần một danh từ → chọn death (cái chết).

Tạm dịch: Sau cái chết của người sáng lập, công ty đã được bán cho doanh nghiệp đối thủ.

138. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có thought (suy nghĩ), mind (tâm trí), choice (lựa chọn), decision (quyết định) → chọn D.

Tạm dịch: Andrew không thể đưa ra quyết định của anh ấy về việc liệu làm việc muộn hay mang giấy tờ về nhà và làm chúng vào cuối tuần.

139. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có manufacture (sản xuất), workhouse (nơi, nhà làm việc), industry (công nghiệp), factory (nhà máy) → chọn D.

Tạm dịch: Sau một vài tháng, Jonathan cuối cùng đã sắp xếp được để có một công việc trong nhà máy nội thất.

140. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có valiant (dũng cảm), resilient (đàn hồi), complaint (phàn nàn), brilliant (xuất sắc) → chọn D.

Tạm dịch: Maureen cực kì hứng thú với thiết kế, và một vài ý tưởng của cô ấy cực kì xuất sắc.

141. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có spread (lan tràn), extend (mở rộng), cover (bao phủ), range (dải) → chọn C.

Tạm dịch: Chúng tôi có một lực lượng lao động năng động, trẻ, những người mà từ độ tuổi 10-41.

142. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có yet (còn), still (vẫn), ever (bao giờ), already (đã, rồi) → chọn B.

Tạm dịch: Chúng tôi vẫn đang mở rộng và bây giờ đang tìm kiếm hai kĩ thuật viên.

143. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có tolerant (chấp thuận), willing (sẵn sàng), accepting (chấp thuận), grant (ban, cấp) → chọn B.

Tạm dịch: Ưu tiên sẽ được trao cho những ứng viên mới tốt nghiệp và sẵn sàng làm việc tại nhà.

144. C

Phân tích: Ta có cụm fashion trade show nghĩa là triển lãm thời trang thương mại → chọn C.

Tạm dịch: Giám đốc marketing và tôi đã tham dự Mode Prima, một triển lãm thời trang thương mại được tổ chức ở Florence, Italy.

145. C

Phân tích: Trong TOEIC, quá khứ hoàn thành hay đi cùng quá khứ đơn → về trước là thì quá khứ đơn → về sau chọn quá khứ hoàn thành.

Tạm dịch: Buổi biểu diễn kéo dài 3 ngày và chúng tôi đã quá bận để lo lắng về thời tiết trong khoảng thời gian đó, mặc dù chúng tôi phải suy nghĩ kĩ xem là xác nhận chuyến đi hoặc trở lại.

146. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có thought (suy nghĩ), intend (có ý định), book (đặt chỗ, đặt vé), suppose (giả sử, dự định) → chọn D.

Tạm dịch: Chuyến bay của chúng tôi được dự định rời đi vào 5/5, nhưng một lần nữa thời tiết đã cản trở điều đó.

147. A

Phân tích: Trong câu đã có động từ chính “is” → không chọn thêm động từ → chọn A.

Tạm dịch: Mùa hè đã đến, nó là thời gian để kiểm tra lại bàn ghế sân vườn.

148. C

Phân tích: Sau chỗ trống là danh từ model (mẫu mã) → điền một tính từ → chọn latest (mới nhất).

Tạm dịch: Đến và thăm phòng trưng bày của chúng tôi để xem những mẫu mã mới nhất từ khắp thế giới.

149. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có whatever (bất kì thứ gì), the lot (lô đất), something (một vài cái), all things (mọi thứ) → chọn A.

Tạm dịch: Nếu bạn mang quảng cáo này đến, bạn sẽ có 25% giảm giá trên bất kì thứ gì bạn mua.

150. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có in work nghĩa là “trong công việc” → chọn D.

Tạm dịch: Chúng ta đã đồng ý rằng bạn sẽ cung cấp 2 huấn luyện viên kinh doanh có kinh nghiệm trong công việc với 1 nhóm gồm 20 nhân viên mới như là phần của chương trình giới thiệu sau đại học.

151. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có take place nghĩa là “diễn ra” → chọn B.

Tạm dịch: Phần này sẽ bao phủ cả lãnh đạo, chiến lược, quản lí, kĩ năng mềm cần thiết và sẽ diễn ra tại văn phòng của chúng tôi liên tục từ thứ 3 đến thứ 5.

152. C

Phân tích: Có the next three days → thì tương lai đơn → chọn will be paid (sẽ được thanh toán).

Tạm dịch: Thanh toán trước 30% phí trong vòng 3 ngày tới, với phần còn lại trong vòng 30 ngày sau khi kết thúc buổi học.

TEST 8

101. C

Phân tích: Ta có cụm từ cost of living (chi phí sinh hoạt) → chọn C.

Tạm dịch: Lương tăng sẽ không cao hơn chi phí sinh hoạt.

102. A

Phân tích: Ta có cụm từ call on (yêu cầu sự giúp đỡ) → chọn B.

Tạm dịch: Hãy thoải mái yêu cầu sự giúp đỡ từ kĩ sư cho sự trợ giúp nhiều hơn.

103. B

Phân tích: Trong TOEIC, quá khứ hoàn thành hay đi cùng quá khứ đơn → về sau là thì quá khứ đơn → về trước chọn quá khứ hoàn thành.

Tạm dịch: Ông Goa đã viết một bản đề nghị trước khi ông ấy nhìn hướng dẫn.

104. C

Phân tích: Nhìn vào về trước của câu, ta thấy đây không phải là câu điều kiện loại 2 hoặc 3 → loại A, D. Trong câu không có dấu hiệu của thì quá khứ → loại B, chọn C.

Tạm dịch: Nếu dự án này là một thành công, văn phòng sẽ có thể thuê nhiều sự trợ giúp hơn.

105. D

Phân tích: Trong câu đã có động từ chính want (muốn) → không chọn thêm động từ → loại A, C. Ta có cấu trúc want something done (muốn ai đó làm xong cái gì) → chọn installed (được cài đặt).

Tạm dịch: Trưởng phòng muốn các máy tính được cài đặt trước ngày mai.

106. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có in spite of (mặc dù), therefore (do vậy), however (tuy nhiên), for this purpose (cho mục đích này) → chọn C.

Tạm dịch: Những lời đề nghị đã được yêu cầu, tuy nhiên không một cái nào được cung cấp.

107. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có whatever (cái gì cũng được), why (tại sao), even though (mặc dù), however (tuy nhiên) → chọn C.

Tạm dịch: Mặc dù những người công nhân đã nỗ lực rất nhiều, lợi nhuận vẫn không cao.

108. C

Phân tích: Động từ research phải đi với giới từ on, nghĩa là nghiên cứu trên cái gì đó → chọn C.

Tạm dịch: Cô Ravi đã tiến hành nghiên cứu thị trường trên 2 sản phẩm mới.

109. D

Phân tích: Ta có trạng từ chỉ tần suất weekly (hàng tuần) thường đứng trước động từ → chọn D.

Tạm dịch: Các giao dịch được ghi lại hàng tuần.

110. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, chọn or (hoặc).

Tạm dịch: Những khách hàng được mời để viết hoặc gọi cho những thông tin thêm.

111. D

Phân tích: Đứng trước Sunday (chủ nhật) → chọn on.

Tạm dịch: Một máy trả lời tự động lấy các tin nhắn vào những ngày chủ nhật.

112. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có until (cho đến khi) → chọn C.

Tạm dịch: Giải pháp không thể xác định cho đến khi vấn đề được phát hiện.

113. D

Phân tích: Ta có cấu trúc have someone do something, nghĩa là ra lệnh cho ai đó làm việc gì đó → cần chọn một động từ nguyên mẫu → chọn sign (kí).

Tạm dịch: Giám đốc muốn trợ lí của cô ấy kí vào bản thông báo.

114. C

Phân tích: Vế sau có will not = won't, là dấu hiệu của câu điều kiện loại 1 → chọn động từ ở thì hiện tại đơn → chọn have (có).

Tạm dịch: Nếu bạn có một điện thoại cảm ứng, bạn sẽ không cần một để điều khiển.

115. D

Phân tích: Có since 1998 → dấu hiệu của thì hiện tại hoàn thành → chọn has been using (đã sử dụng, và vẫn đang sử dụng).

Tạm dịch: Công ty của chúng ta đã sử dụng Metro Messenger Service từ năm 1998.

116. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có catch out (lừa, đặt ai đó trong tình huống khó khăn), catch on (hiểu), catch in (bắt được), catch down (bắt được) → chọn B.

Tạm dịch: Những nhân viên mới sẽ hiểu trong các buổi đào tạo.

117. D

Phân tích: Sau chỗ trống có danh từ result (kết quả) → cần điền một tính từ → chọn final (cuối cùng).

Tạm dịch: Kết quả cuối cùng sẽ được thông báo vào tuần sau.

118. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có go up (đi lên), go out (đi ra), go through (đi xuyên qua), go beyond (vượt ra ngoài) → chọn C.

Tạm dịch: Giao dịch tài chính được mong đợi sẽ đi qua vấn đề trong vài tuần.

119. C

Phân tích: Giống câu 105, ta có cấu trúc want something done (muốn ai đó hoàn thành cái gì) → chọn finished (hoàn thành).

Tạm dịch: Người giám sát muốn hoàn thành bản kê hàng hóa trước thứ 5 tuần sau.

120. B

Phân tích: Có would + V ở về đầu tiên → câu điều kiện loại 2 → chọn to be là “were”.

Tạm dịch: Tôi sẽ yêu cầu một buổi họp đặc biệt nếu tôi là cô ấy.

121. B

Phân tích: Ta có cấu trúc not only, but also (không những, mà còn) → chọn B.

Tạm dịch: Công ty không những cảm kích tham vọng của chủ tịch mà còn những ý tưởng của ông ấy.

122. D

Phân tích: Ta thấy chủ ngữ đang ở dạng số ít (do có mạo từ “a”) → chọn động từ ở dạng số ít → chọn D.

Tạm dịch: Một bộ sưu tập mới của chương trình đang được trình bày ở phòng hội nghị.

123. C

Phân tích: Trong câu có in the future (trong tương lai) → không chọn các thì hiện tại đơn (order, should order) hay quá khứ đơn (ordered) → chọn A.

Tạm dịch: Nhà cung cấp nói rằng bộ phận đã đặt hàng cho dự trữ nhiều hơn trong tương lai.

124. D

Phân tích: Có yesterday → chọn left (quá khứ của leave-rời đi).

Tạm dịch: Một vài người quản lí sẽ không để trợ lí của họ rời đi sớm hôm qua.

125. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có nevertheless (tuy nhiên), therefore (do đó), on the whole (nói chung), but (nhưng) → chọn B.

Tạm dịch: Doanh số bán hàng đang nghèo nàn, do đó cửa hàng sẽ sớm đóng cửa.

126. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn of.

Tạm dịch: Cô Jacobs là một trong những đại lý tốt nhất của chúng ta.

127. C

Phân tích: Ta có cụm từ personal identification number (PIN) nghĩa là mã pin → chọn C.

Tạm dịch: Vui lòng nhắc đến mã PIN của bạn.

128. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có while (trong khi - liên từ, đi cùng mệnh đề), because (bởi vì - liên từ, đi cùng mệnh đề), during (trong khi - giới từ), before (trước khi) → chọn D.

Tạm dịch: Trước khi chuyển khoản tài khoản của bạn, kí vào dòng kẻ chấm.

129. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có yet (cho đến bây giờ), never (không bao giờ), already (đã, rồi), soon (sớm).

Tạm dịch: Không một ai bật điều hòa cho đến bây giờ.

130. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có while (trong khi), in spite of (mặc dù), with (với), as (như) → chọn D.

Tạm dịch: Akinori giữ bình tĩnh như dự đoán của anh ấy.

131. C

Phân tích: Ta có cụm from...to (từ...đến) → chọn C.

Tạm dịch: Tất cả các chi nhánh ngân hàng mở cửa từ 8:30 AM đến 4:00 PM.

132. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có for example (ví dụ), moreover (ngoài ra), however (tuy nhiên), accordingly (theo đó) → chọn D.

Tạm dịch: Chúng tôi cần nhiều hơn các chi tiết, theo đó, ai, khi nào, cái gì và ở đâu.

133. C

Phân tích: Có by a computer (bởi một máy tính) → câu bị động → chọn C.

Tạm dịch: Ông chủ của tôi nhận được những tin nhắn của cô ấy lấy từ một máy tính.

134. A

Phân tích: Vế sau có would be → câu điều kiện loại 2 → chọn động từ to be là “were”.

Tạm dịch: Nếu công ty có khoản nợ, người kế toán sẽ là người biết đầu tiên.

135. A**Phân tích:** Khi chủ ngữ là who thì động từ chia ở dạng số ít → chọn A.**Tạm dịch:** Ai biết có bao nhiêu văn phòng chúng ta đã liên lạc cho khảo sát không?**136. C****Phân tích:** Dựa vào nghĩa, ta có take out (đưa ra ngoài), take away (mang về), take over (chiếm lấy, giành quyền điều khiển, kiểm soát), take off (cởi) → chọn C.**Tạm dịch:** Có một tin đồn rằng văn phòng London đang cố gắng giành quyền kiểm soát văn phòng Edinburgh.**137. A****Phân tích:** Sau mạo từ “a” cần một danh từ → chọn brief (bản tóm tắt).**Tạm dịch:** Trước cuộc họp, một bản tóm tắt đã được giữ để xác minh thông tin.**138. C****Phân tích:** Sau động từ to be is → chọn tính từ → chọn advisable (không thể khuyên bảo).**Tạm dịch:** Đó là không thể khuyên bảo khi tranh cãi về những chi tiết nhỏ.**139. B****Phân tích:** Dựa vào nghĩa → câu mệnh lệnh → chọn động từ nguyên mẫu đứng đầu câu → chọn verify (xác minh).**Tạm dịch:** Xác minh những dữ liệu này trước khi xuất bản chúng.

140. A

Phân tích: Ta có cấu trúc either...or (hoặc cái này hoặc cái kia) → chọn A.

Tạm dịch: Hoặc sản phẩm hoặc quảng cáo phải được thay đổi.

141. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn this.

Tạm dịch: Điều đó mang đến một sự ngạc nhiên cho tôi, vì tôi đã luôn luôn cung cấp cho bạn dịch vụ đúng thời điểm.

142. C

Phân tích: Trong câu có this year (năm nay) → chọn thì hiện tại hoàn thành

→ chọn have decided (đã quyết định).

Tạm dịch: Tôi hiểu rằng bạn, giống như nhiều chủ doanh nghiệp nhỏ, đã quyết định sử dụng việc tự (kế toán) thuế năm nay.

143. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn of.

Tạm dịch: Tôi hy vọng bạn sẽ nghĩ về quyết định của bạn về việc từ bỏ kế toán chuyên nghiệp.

144. C

Phân tích: Ta có cấu trúc consider + Ving: xem xét việc gì → chọn transferring (chuyển đổi).

Tạm dịch: Tôi đã xem xét về việc chuyển đổi này, nhưng chồng của tôi sẽ không bao giờ đồng ý.

145. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có while (trong khi - liên từ, đi với mệnh đề), after (sau đó), during (trong khi - giới từ, không đi với mệnh đề), before (trước khi) → chọn A.

Tạm dịch: Tôi có nhiều hộ hàng ở Yokohama. Nếu bạn và chồng bạn cần một nơi nào đó để ở trong thời gian ngắn trong khi bạn tìm kiếm nhà mới.

146. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có food (đồ ăn), place (nơi, địa điểm), guest (khách), time (thời gian) → chọn D.

Tạm dịch: Tôi chắc chắn bạn sẽ rất bận tháng này, nhưng tôi muốn gặp và ăn trưa hoặc tối trước khi bạn đi, nếu bạn có thể dành thời gian vào thứ 3 hoặc thứ 5 là các ngày tốt nhất cho tôi.

147. C

Phân tích: Trong câu có has already là dấu hiệu của thì hiện tại hoàn thành → chọn begun (bắt đầu).

Tạm dịch: Việc sa thải hàng loạt đã bắt đầu, với 400 người đầu tiên nhận được phiếu chấm dứt hợp đồng vào thứ 6 tuần trước.

148. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có create (tạo ra), build (xây dựng), operate (vận hành), cut (cắt giảm) → chọn D.

Tạm dịch: Cắt giảm chi phí nhân công là cách duy nhất chúng tôi tránh khỏi phá sản.

149. A

Phân tích: Ta có cụm từ due to có nghĩa là bởi vì, đi theo sau là một danh từ

→ chọn A.

Tạm dịch: Nhà phân tích tài chính Yoon Kwang-ung nói rằng một lượng lớn yêu cầu bảo hiểm ngoài dự tính bởi vì một mùa cháy rừng xảy ra trong một nền kinh tế đang suy thoái, đã gây ra sự sa thải hàng loạt.

150. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có write (viết), advertise (quảng cáo), photograph (ảnh), invest (đầu tư) → chọn B.

Tạm dịch: Chúng tôi đã nhận được yêu cầu quảng cáo của bạn với báo Marseille của chúng tôi.

151. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn ours (của chúng tôi).

Tạm dịch: Tất cả 3 tờ báo phục vụ cho các gia đình trung lưu và những người làm kinh doanh.

152. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn A.

Tạm dịch: Những lựa chọn này không bao gồm mức giá mà chúng tôi trích dẫn cho bạn.

TEST 9**101. A**

Phân tích: Ta cần một đại từ quan hệ và một chủ ngữ → chọn which person (người nào đó).

Tạm dịch: Cái xe đẹp này thuộc về ai?

102. D

Phân tích: Ta có cụm từ English Literature (Văn học Anh) → chọn D.

Tạm dịch: Tôi đã học văn học Anh ở đại học.

103. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có receive (nhận), get (có được), sell (bán), provide (cung cấp) → chọn B.

Tạm dịch: Tôi thấy bạn đã đi mua sắm rất nhiều, bạn đã có được cái gì vậy?

104. B

Phân tích: Ta có cụm dissatisfied at (thất vọng về cái gì) → chọn B.

Tạm dịch: Tôi rất thất vọng về bạn. Tôi đã mong đợi bạn có những quyết định tốt hơn.

105. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có outrageous (tàn nhẫn), delicious (ngon), suspicious (ngghi ngờ), contagious (dễ lây nhiễm) → chọn D.

Tạm dịch: Tôi sẽ không đến gần bạn, tôi vẫn đang dễ lây nhiễm và tôi sẽ không muốn làm bạn ốm như tôi.

106. D

Phân tích: Câu đang nói về một lịch trình → dùng thì hiện tại đơn → chọn arrives (đến).

Tạm dịch: Mẹ tôi đang đến vào hôm nay. Chuyến bay của bà ấy đến vào lúc 2 PM.

107. C

Phân tích: Ta có cụm từ first of all (đầu tiên) → chọn C.

Tạm dịch: Đầu tiên, bạn thậm chí không cần cả giấy phép lái xe, vậy tại sao tôi nên để bạn mượn cái xe này?

108. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa về sau, chỉ có so là có thể dùng trong trường hợp này → chọn B.

Tạm dịch: Tôi rất buồn, đến nỗi tôi không thể nhìn bạn bây giờ!

109. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có recognition (sự công nhận), observation (sự quan sát), compression (nén), elimination (sự loại trừ) → chọn A.

Tạm dịch: Howard đã nhận được một giải thưởng công nhận cho công việc tốt của anh ấy ở công ty.

110. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có least (ít nhất), as (như), less (ít hơn), not as (không như) → chọn C.

Tạm dịch: Làm việc nhanh kém quan trọng hơn làm việc đúng.

111. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có interview (phỏng vấn), interrupt (làm gián đoạn), interweave (đan xen), intersect (giao nhau) → chọn B.

Tạm dịch: Tha thứ tôi vì đã làm gián đoạn nhưng tôi có một điều quan trọng muốn nói và nó không thể chờ đợi được.

112. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có flavor (hương vị), spice (gia vị), taste (nếm), crave (thèm muốn) → chọn C.

Tạm dịch: Bạn có thể vui lòng nếm những cái bánh quy này và nói với tôi liệu rằng bạn có thích nó hay không?

113. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có transcend (vượt lên trên), transfer (chuyển), transform (biến đổi), transgress (vi phạm) → chọn B.

Tạm dịch: Ông chủ của tôi chuyển tôi đến một phòng ban khác, do đó tôi sẽ làm việc ở văn phòng mới.

114. B

Phân tích: Ta có cụm từ whether or not (liệu...hay không) → chọn B.

Tạm dịch: Tôi không chắc liệu tôi có muốn đi cùng họ hay không.

115. D

Phân tích: Có in 1899 → chọn bị động của thì quá khứ đơn → chọn D.

Tạm dịch: Ngôi nhà này được xây vào năm 1899. Chúng tôi không biết ai sở hữu nó bây giờ.

116. A

Phân tích: Sau chỗ trống là danh từ life (cuộc sống) → chọn whose.

Tạm dịch: Đó là anh chàng mà cuộc sống của anh ấy do chúng tôi cứu.

117. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có just ahead of (ở phía trước của), in front of (ở phía trước), underneath (dưới), right behind (ngay đằng sau) → chọn D.

Tạm dịch: Anh ấy lên xe bus và ngồi chỗ ngay sau tài xế.

118. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có either (hoặc), rather (thà), sooner (sớm), prefer (thích hơn) → chọn D.

Tạm dịch: Tôi sẽ thích đi du lịch bằng xe bus. Tôi ghét tàu và xe hơi.

119. D

Phân tích: Có than → so sánh hơn → loại B, C. Chỗ trống đứng sau động từ run (chạy) → chọn trạng từ → chọn more quickly (nhANH hơn).

Tạm dịch: Patrick có thể chạy nhanh hơn David.

120. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có ticket (vé), fine (tiền phạt), probation (sự kiểm soát), receipt (hóa đơn) → chọn B.

Tạm dịch: Bạn sẽ phải trả tiền phạt nếu bạn bị bắt tốc độ.

121. A

Phân tích: Sau chỗ trống là chủ ngữ you → chọn a shame (nỗi xấu hổ, hổ thẹn). Nếu chọn shameful/ashamed thì cũng có nghĩa tương đương nhưng câu đang cần một danh từ để có thể đứng trước you.

Tạm dịch: Nó là một điều xấu hổ (rằng) hai bạn đã không dành thời gian cho nhau. Hai bạn đã có thể trở thành bạn tốt.

122. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có excited (hào hứng), thrilled (hồi hộp), nervous (lo lắng), exhausted (mệt mỏi) → chọn C.

Tạm dịch: Tôi rất lo lắng rằng tôi sẽ không có việc. Tôi rất cần nó.

123. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có loose (lỏng), tight (chặt), flexible (linh hoạt), light (nhẹ nhàng) → chọn B.

Tạm dịch: Tôi thích phong cách của cái áo sơ mi này, nhưng nó quá chặt, tôi có thể hầu như không thở.

124. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có on time (đúng giờ), per hour (mỗi giờ), at the moment (tại thời điểm này), on the second (mỗi giây) → chọn A.

Tạm dịch: Vui lòng đến đúng giờ ngày mai; đây là một buổi họp rất quan trọng, và chúng ta phải bắt đầu nhanh chóng.

125. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có either (hoặc), whether (liệu), so (rất), neither (cũng không) → chọn D.

Tạm dịch: Tôi không muốn đi cùng bạn đến bữa tiệc và Joe cũng vậy.

126. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn should (nên).

Tạm dịch: Bạn nghĩ tôi nên làm gì với tình huống hiện tại?

127. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có wish (ước), hope (hy vọng), want (muốn), need (cần) → chọn A.

Tạm dịch: Tôi ước gì bạn sẽ dừng than phiền lại! Bạn đang bắt đầu làm phiền tôi.

128. B

Phân tích: Câu đang ở thì hiện tại hoàn thành → chọn broken (vỡ).

Tạm dịch: Cháu là một đứa trẻ nghịch ngợm! Cháu đã làm vỡ cái đèn.

129. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có answer (trả lời), response (phản hồi), solution (giải pháp), result (kết quả) → chọn D.

Tạm dịch: Bạn đã nhận được kết quả từ cuộc kiểm tra y tế chưa?

130. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có expect (mong đợi), except (ngoại trừ), accept (chấp nhận), access (truy cập) → chọn C.

Tạm dịch: Bạn có nghĩ Havard sẽ chấp nhận bạn vào chương trình tốt nghiệp của họ?

131. B

Phân tích: Ta có cụm từ dream of doing something nghĩa là nghĩ về thứ gì đó bạn rất muốn làm → chọn B.

Tạm dịch: Michael luôn luôn mơ về việc bắt đầu công ty riêng của anh ấy, và bây giờ giấc mơ của anh ấy đang trở thành hiện thực.

132. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có everyone (mọi người), no one (không một ai), anyone (bất kì ai), someone (ai đó) → chọn A.

Tạm dịch: Không phải tất cả mọi người đều được cho phép ở tầng này, trừ những nhân viên.

133. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có deduct (khấu trừ), decline (từ chối), delegate (ủy nhiệm, đại biểu), dedicate (công hiến, đề tặng) → chọn D.

Tạm dịch: Tôi muốn tặng bài hát này cho bạn gái tôi.

134. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có confluence (đám đông), conform (theo, tuân thủ), conflict (xung đột, đấu tranh), confirmation (sự xác nhận) → chọn C.

Tạm dịch: Hẹn hò với đối thủ của mình là một cuộc xung đột lợi ích và tôi rất khuyên bạn chống lại nó.

135. D

Phân tích: Ta có cụm từ put someone up nghĩa là cho ai đó ở nhờ → chọn D.

Tạm dịch: Ngôi nhà của tôi đang bị khói, bạn có nghĩ cách nào để cho tôi ở nhờ buổi tối không?

136. A**Phân tích:** Dựa vào nghĩa, ta có miss (lỡ), lack (thiếu), lose (mất), fail (thất bại)

→ chọn A.

Tạm dịch: Bạn phải nhanh lên và rời đi, hoặc bạn sẽ lỡ mất chuyến tàu.**137. D****Phân tích:** Dựa vào nghĩa, ta có touch (chạm), ring (rung, bấm chuông), punch (đấm), knock (gõ cửa) → chọn D.**Tạm dịch:** Khi bạn đến, chỉ cần gõ cửa và ai đó chắc chắn sẽ để bạn vào.**138. C****Phân tích:** Dựa vào nghĩa, ta có feel (cảm thấy), emotion (cảm xúc), mood (tâm trạng), attitude (thái độ) → chọn C.**Tạm dịch:** Tôi không có tâm trạng để đi ra ngoài. Hãy ở lại và xem TV.**139. D****Phân tích:** Dựa vào nghĩa, chọn must (phải, mang tính chất bắt buộc).**Tạm dịch:** Bạn phải chú ý! Đây không đời nào là một sự kiện không bắt buộc.**140. C****Phân tích:** Dựa vào nghĩa, ta có infrequently (không thường xuyên), invariably (không thay đổi, luôn luôn), often (thường), seldom (hiếm khi) → chọn C.**Tạm dịch:** Tôi thường tập thể dục, do đó tôi có một thân hình đẹp.

141. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có community (cộng đồng), area (khu vực), section (phần), neighborhood (khu dân cư) → chọn A.

Tạm dịch: Sự phát triển trên thế khắp giới và tại nhà (Mỹ) thử thách chúng tôi để nghĩ lại vai trò của Mỹ đối với cộng đồng quốc tế.

142. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có asks to (yêu cầu), relies in (dựa vào), depends on (phụ thuộc vào), needs for (cần cho) → chọn C.

Tạm dịch: Đất nước của chúng tôi phụ thuộc vào những sinh viên có kiến thức và chu đáo như bạn.

143. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có trivial (không đáng kể), superficial (hời hợt), vital (thiết yếu), necessary (cần thiết) → chọn C.

Tạm dịch: Trong niềm tin rằng các câu hỏi về sự hòa bình, công bằng, tự do và an toàn là thiết yếu cho nền giáo dục dân chủ.

144. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có in addition (thêm vào đó), otherwise (tuy nhiên), beforehand (trước), instead of (thay vì) → chọn A.

Tạm dịch: Thêm vào việc không có Spencer Tollackson cho trò chơi ngày chủ nhật tại Iowa.

145. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có damaged (làm bị thương), injured (bị thương, có thể là vết thương hở hoặc không, nhưng thường nghiêm trọng hơn “wounded”), offended (xúc phạm), wounded (bị thương, thường dùng để chỉ các vết thương hở,

thường gây ra bởi vũ khí như dao, súng, hay có thể là có vết cắt, rách trên da và thường gây chảy máu) → chọn B.

Tạm dịch: Tollackson 6-9 đã bị thương trong một va chạm ở cuối hiệp đầu tiên.

146. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có value (giá trị), rate (tỷ lệ), cost (chi phí), amount (số lượng) → chọn A.

Tạm dịch: Anh ấy đã thật sự nhìn thấy giá trị của việc cố gắng làm việc thật chăm chỉ.

147. D

Phân tích: Câu đang ở thì hiện tại đơn → chọn hears (nghe).

Tạm dịch: Một ngày, khi anh ấy đang đứng ở giữa cánh đồng ngô rộng lớn, Ray nghe thấy một giọng nói, nó bảo anh ta rằng: nếu bạn xây chúng, anh ấy sẽ đến.

148. A

Phân tích: Ta có chỗ trống đang đứng giữa hai giới từ from và to → chọn danh từ. Dead là tính từ (từ miêu tả), death là danh từ, đều có nghĩa là chết → chọn A.

Tạm dịch: Shoeless Joe Jackson sẽ sống dậy từ cái chết để chơi bóng một lần nữa.

149. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có contend (tranh giành), comprehend (hiểu), apprehend (bắt giữ), recommend (đề xuất) → chọn D.

Tạm dịch: Nhìn chung, FIELD OF DREAMS là một truyện hư cấu có cảm xúc, làm hài lòng, một cái tôi có thể đề xuất cho mọi người nhưng không hoài nghi nặng nề.

150. A

Phân tích: Ta có cụm từ stand head and shoulders above dùng để chỉ cái gì đó vượt trội hơn những cái khác → chọn D.

Tạm dịch: CSU vượt trội hơn tất cả những trường đại học khác ở California.

151. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có result (kết quả), bring (mang), lead to (dẫn đến), guide (hướng dẫn) → chọn C.

Tạm dịch: Như bạn biết, một sự giáo dục tốt của lực lượng lao động dẫn đến lương cao hơn, công việc có trí thức, cái mà đến lượt dẫn đến sự phát triển và lợi ích của toàn bộ bang cũng như khu vực và cộng đồng địa phương.

152. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có reach (đến), wreak (làm hỏng), allow (cho phép), touch (chạm) → chọn A.

Tạm dịch: Khi thu nhập của cựu sinh viên cao hơn được cân nhắc, ảnh hưởng của CSU sẽ là \$53 tỉ đô la, hỗ trợ 527000 việc làm trên toàn bang.

TEST 10**101. C**

Phân tích: Trong câu đã có động từ “hear” → dựa vào nghĩa, câu chỉ có một mệnh đề → không chọn that mà chọn what.

Tạm dịch: Bạn đã nghe người đốc công nói rằng sự cần thiết để cải tiến các biện pháp an toàn trên khu vực toà nhà chưa?

102. A

Phân tích: Ta có cụm từ customer service manager (người quản lí chăm sóc khách hàng) → chọn A.

Tạm dịch: Nếu bạn vẫn không vui và muốn gửi lời phàn nàn này, hãy nói cho trưởng phòng chăm sóc khách hàng của chúng tôi Hugo Montoya.

103. C

Phân tích: Câu đang nói về một việc bắt đầu từ quá khứ và vẫn kéo dài tới hiện tại → chọn thì hiện tại hoàn thành → chọn has worked (đã làm việc).

Tạm dịch: Bạn có biết Darren đã làm việc cho HTL International bao lâu trước khi anh ấy đến đây không?

104. D

Phân tích: Ta thấy sao chỗ trống có từ “or” → chọn either. Cụm either...or có nghĩa là hoặc cái này hoặc cái kia.

Tạm dịch: Chúng tôi hối tiếc rằng chúng tôi sẽ không chấp nhận séc nữa, do đó thanh toán cái hóa đơn đính kèm hoặc bằng thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ.

105. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có through (xuyên qua), each (mỗi), both...and (cả này cả cái kia), either...or (hoặc cái này hoặc cái kia) → chọn A.

Tạm dịch: Sau khi họ xuống phà, tất cả hành khách phải làm thủ tục Hải quan và Nhập cư trước khi được cho phép trên đảo.

106. D

Phân tích: Trước chỗ trống có tính từ great (lớn) → sau chỗ trống cần một danh từ → chọn disappointment (thất vọng).

Tạm dịch: Tin tăng về rạp chiếu phim duy nhất của thị trấn đã được chào đón bởi sự thất vọng lớn bởi dân cư địa phương.

107. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có cancel (hủy), delay (hoãn), crash (va chạm), overrun (chạy mau, vượt qua) → chọn B.

Tạm dịch: Những khách du lịch đã thấy buồn khi họ nghe thông báo rằng chuyến tàu của họ bị hoãn bởi thời tiết xấu và sẽ không đến trong vòng 30 phút nữa.

108. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có select (chọn), nominate (đề cử), elect (bầu chọn), decide (quyết định) → chọn A.

Tạm dịch: Tôi chịu trách nhiệm về việc chắc chắn rằng tất cả hoa quả và rau được chọn để sử dụng trong nhà hàng của chúng tôi có chất lượng cao nhất.

109. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có tangibly (hữu hình), readily (sẵn sàng), legibly (dễ đọc), eligibly (đẹp đẽ) → chọn C.

Tạm dịch: Vui lòng hoàn thành mẫu này một cách cẩn thận và chắc chắn rằng luôn luôn viết một cách dễ đọc.

110. A

Phân tích: Ta có danh từ chỉ số km, số dặm sẽ đi cùng động từ số ít. Mặt khác, câu đang ở thì hiện tại đơn → chọn A.

Tạm dịch: Ông Gonzales là một khách hàng quan trọng, nhưng 200 dặm là một quãng đường dài để đến đây cho một buổi họp ngắn.

111. C

Phân tích: Sau chỗ trống có danh từ city → chọn tính từ → chọn neighboring (hàng xóm, lân cận)

Tạm dịch: Để giảm thiểu chi phí, các quan chức tại Fairhaven City Hall đã quyết định thuê ngoài chiến dịch quản lý chất thải cho thành phố lân cận.

112. A

Phân tích: Sau động từ complete (hoàn thành) → cần một danh từ đóng vai trò làm tân ngữ → chọn mine (của tôi).

Tạm dịch: Tôi không đồng ý rằng trách nhiệm của sai lầm này là hoàn toàn của tôi bởi vì đã có những người khác tham gia vào quyết định này.

113. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có engage (thuê), appoint (bổ nhiệm), connect (kết nối), assign (phân công) → chọn A.

Tạm dịch: Chúng tôi đã quyết định thuê một lập trình viên web để giúp chúng tôi tạo ra một sự hiện diện trực tuyến có thể truy cập.

114. A

Phân tích: Ta có cụm từ economy situation nghĩa là tình hình kinh tế → chọn A.

Tạm dịch: Sau một khoảng thời gian dài tăng trưởng thấp, xuất hiện sự suy thoái cuối cùng đã giáng một đòn mạnh mẽ vào tình hình kinh tế đang bắt đầu ảnh hưởng tới những doanh nghiệp nhỏ.

115. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có waste (lãng phí), hope (hy vọng), useless (vô dụng), misuse (lạm dụng) → chọn C.

Tạm dịch: Chúng tôi đều rất mệt sau khi làm việc rất chăm chỉ, nhưng khi chúng tôi nhìn thấy kết quả, chúng tôi biết những nỗ lực của chúng tôi đã vô ích.

116. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có seeing as (trông giống như), thanks to (nhờ có), given that (đưa ra điều đó), provided that (miễn là) → chọn B.

Tạm dịch: Nhờ có tỷ giá hối đoái thuận lợi tại thời điểm này, doanh số bán hàng nước ngoài của chúng tôi quý trước đã tăng quá mọi sự kì vọng.

117. A

Phân tích: Trong câu không có dấu hiệu nào của thì quá khứ hay hiện tại hoàn thành → chọn A.

Tạm dịch: Bà Hwang gần đây được thăng chức lên trợ lý phó chủ tịch của bộ phận nhân sự, đó là một tin tuyệt vời.

118. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có simply (một cách đơn giản), easily (một cách dễ dàng), justly (vừa phải), openly (công khai) → chọn B.

Tạm dịch: Các phần dự phòng của tất cả máy pha cà phê có thể mua một cách dễ dàng online hoặc từ bất kì nhà bán lẻ đồ dùng nhà bếp nào.

119. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có cả 3 phương án A, B, D đều có nghĩa là hài lòng, chỉ khác nhau từ loại, còn phương án C-satisfactory cũng có nghĩa là hài lòng nhưng ở mức độ chấp nhận được, tạm ổn, đạt yêu cầu thôi → chọn C.

Tạm dịch: Chúng tôi thấy rằng mọi thứ đều tạm ổn khi chúng tôi ở The Grand Hotel với một ngoại lệ duy nhất là căn phòng quá lạnh vào buổi đêm.

120. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, chọn in chứ không chọn at.

Tạm dịch: Buổi lễ tốt nghiệp sẽ bắt đầu trong 15 phút nữa, do đó chúng tôi cần nhanh chóng hoặc có thể không có chỗ ngồi.

121. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có refund (hoàn tiền), discount (giảm giá), concession (nhượng bộ), reward (phần thưởng) → chọn A.

Tạm dịch: Chúng tôi rất tiếc rằng bạn đã không tuân theo hướng dẫn đề xuất cho dịch vụ báo động kẻ xâm nhập của chúng tôi, do đó chúng tôi không thể cung cấp một sự hoàn tiền khi mà có lỗi lầm phát sinh.

122. C

Phân tích: Có the most → câu so sánh nhất → chọn tính từ fashionable (có tính thời trang).

Tạm dịch: Nhờ có thiết kế tuyệt vời và tiếp thị thông minh, thương hiệu giày dép của chúng tôi giờ đây được nhận biết rộng rãi như mà doanh nghiệp có tính thời trang nhất.

123. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có cụm on business, nghĩa là trong công việc kinh doanh → chọn D.

Tạm dịch: Bất kì chi phí cái mà bạn gánh chịu trong khi chính thức trong công việc phải được nộp đến phòng kế toán cùng với những hóa đơn gốc.

124. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có devotion (sự tận tâm), commotion (náo động), promotion (thăng chức), emotion (cảm xúc) → chọn A.

Tạm dịch: Dominga Torres được tặng một giải thưởng bởi Federaion of Women Workers để công nhận sự tận tâm phi thường của cô ấy cho nguyên nhân của sự cân bằng trả lương cho phụ nữ.

125. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có estimate (ước tính), evaluate (đánh giá), calculate (tính toán), dedicate (cống hiến) → chọn B.

Tạm dịch: Kết quả ban đầu trông khá hứa hẹn, nhưng chúng tôi cần đánh giá tất cả dữ liệu nghiên cứu một cách cẩn thận trước khi đi đến bất kì kết luận nào.

126. D

Phân tích: Câu đằng trước có explained → quá khứ đơn → về sau chọn thì quá khứ đơn → chọn D.

Tạm dịch: Sau khi tôi giải thích các triệu chứng của tôi cho được sĩ và hỏi lời khuyên, cô ấy đã nói với tôi phải đi và gặp bác sĩ sớm nhất có thể.

127. B

Phân tích: Trước chỗ trống có tính từ further (nhiều hơn) → chọn danh từ đứng sau → chọn discussion (sự thảo luận)

Tạm dịch: Mặc dù có một thỏa thuận chung để mở rộng chiến dịch trong châu Âu, các chi tiết chính xác về cách làm thế nào để điều này có thể hoàn thành là một vấn đề cần thảo luận nhiều hơn.

128. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có no (không), any (bất kì), some (một vài), each (mỗi) → chọn B.

Tạm dịch: Từ khi mạng lưới nhận được nhiều sự phản nản, điều đó rõ ràng đã không còn bất kì sự lựa chọn nào ngoài rút khỏi quảng cáo TV.

129. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn into (vào trong).

Tạm dịch: Những nhà đầu tư đã đưa vào dự án này rất nhiều tiền và họ không có cách nào để từ bỏ bây giờ.

130. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có recall (gợi nhớ), recover (khôi phục), reclaim (đòi lại), remind (nhắc nhở) → chọn A.

Tạm dịch: Tôi biết chúng tôi đã gặp nhau ở đâu đó lúc trước, nhưng tôi không thể nhớ là ở đâu.

131. C

Phân tích: Trong câu đã có động từ chính want (muốn) → không chọn thêm động từ → chọn to publish (xuất bản).

Tạm dịch: Các nhà khoa học muốn xuất bản công trình nghiên cứu của họ về nhiên liệu sinh học thay thế vào đầu năm mới.

132. D

Phân tích: Lỗi đề ☺) câu này chọn over nhưng đề lại in lên mất rồi.

Tạm dịch: DX20 là phiên bản cũ mà chúng tôi rất mong đợi để sắp xếp triển khai dần dần trong vòng những tháng tới.

133. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có ever (bao giờ), always (luôn luôn), never (không bao giờ), not (không) → chọn C.

Tạm dịch: Các nhà phân tích công nghiệp đã nói rằng, bởi vì mùa hè nóng kinh hoàng năm ngoái, doanh số bán điều hòa đã không bao giờ có thể tuyệt vời hơn.

134. B

Phân tích: Đằng sau chỗ trống có than → câu so sánh hơn → chọn better (tốt hơn).

Tạm dịch: Không có cách nào tốt hơn để chào mừng đơn hàng thứ 1000 của chúng ta hơn là có một bữa tiệc cho tất cả nhân viên và gia đình của họ.

135. B

Phân tích: Ta có cụm từ most of the people (phần lớn mọi người) → chọn B.

Tạm dịch: Cá nhân tôi thích buổi thuyết trình, nhưng phần lớn mọi người tôi nói chuyện cùng thì nói rằng họ thấy nó thật ngu ngốc.

136. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có prevail (chiếm ưu thế), predict (dự đoán), pervade (tràn ngập), persuade (thuyết phục) → chọn D.

Tạm dịch: Nhờ có sự hăng hái và kiến thức sâu rộng, Jason thường có thể thuyết phục các khách hàng tiềm năng đặt hàng.

137. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có some (một vài), any (bất kì), an (một), much (nhiều) → chọn C.

Tạm dịch: Cái bàn mới này rất nặng, do đó tôi cần một sự trợ giúp để di chuyển nó đến cuối văn phòng.

138. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có moderation (điều độ), designation (thiết kế), explanation (giải thích), resignation (thôi việc, từ chức) → chọn C.

Tạm dịch: Trước những lời chỉ trích gay gắt chống lại bạn, tôi nghĩ bạn nợ tôi một lời giải thích đầy đủ về những hành động của bạn.

139. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có present (hiện tại - thuộc về, liên quan đến, hoặc tạo thành một thì động từ mà là biểu hiện của thời điểm hiện tại hoặc thời điểm nói), current (hiện tại - xảy ra hoặc tồn tại tại thời điểm hiện tại), moment (khoảnh khắc), recent (gần đây) → chọn A.

Tạm dịch: Những báo cáo về lãi suất sẽ tăng 2% vào tuần sau là điều hiện tại chưa được xác nhận.

140. C

Phân tích: Sau being → chọn tính từ → loại A, D. Giữa locating và located thì chọn located (được đặt địa điểm) vì phải có ai đó đặt cái gì đó ở một địa điểm → mang nghĩa bị động → chọn C.

Tạm dịch: Một trong những lợi thế của việc đặt địa điểm gần một sân bay đó là chi phí vận chuyển cho hàng hóa, đương nhiên thấp hơn rất nhiều so với những chỗ khác.

141. A

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có experience (trải nghiệm, trải qua), expect (mong đợi), express (thể hiện) → chọn A (hoặc C).

Tạm dịch: Tôi xin lỗi vì sự khó khăn mà bạn đã trải qua.

142. B

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có and (và), so (để, do đó), therefore (do đó, thường đứng đầu câu), for (cho) → chọn B.

Tạm dịch: Về màn hình máy tính Go VX12 bạn đã mua, vui lòng gửi lại nó cho chúng tôi để chúng tôi có thể xác định vấn đề và sửa chữa nó.

143. B

Phân tích: Câu điều kiện loại 1, diễn tả sự việc có thật ở hiện tại → chọn will send (sẽ gửi).

Tạm dịch: Nếu một sự sửa chữa là không thể, chúng tôi sẽ gửi cho bạn một sự thay thế.

144. C

Phân tích: Cần chọn một từ làm tân ngữ sau động từ mail (gửi thư) → chọn us.

Tạm dịch: Đơn giản là gắn nhãn trả trước đính kèm vào mặt trước của hộp và gửi nó cho chúng tôi sớm nhất có thể.

145. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có collect (chọn), examine (kiểm tra), browse (tìm kiếm), purchase (mua) → chọn D.

Tạm dịch: Đến và mua tại cửa hàng nội thất lớn nhất tại Manchester.

146. A

Phân tích: Trong câu đã có động từ chính have → về sau là mệnh đề quan hệ rút gọn → mệnh đề đầy đủ là: We have thirty years of experience [which supplies] quality furniture to businesses across the UK. Cụm which supplies được rút gọn thành supplying (cung cấp).

Tạm dịch: Chúng tôi có 30 năm kinh nghiệm cung cấp đồ nội thất chất lượng cho các doanh nghiệp trên toàn Vương quốc Anh.

147. A

Phân tích: Sau chỗ trống có giới từ from (từ) → dấu hiệu của câu bị động → chọn A.

Tạm dịch: Tất cả các đồ nội thất của chúng tôi được làm từ cây sồi cứng và được lắp ráp toàn bộ.

148. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn to.

Tạm dịch: Dịch vụ vận chuyển miễn phí cho tất cả các mặt hàng được vận chuyển đến phòng theo sự lựa chọn của bạn.

149. D

Phân tích: Dựa vào nghĩa → chọn D.

Tạm dịch: Với sự kết thúc của một năm tài chính nhanh hơn đang đến gần.

150. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có remember (nhớ), remove (gỡ bỏ), remind (nhắc nhở), remit (nhiệm vụ được giao) → chọn C.

Tạm dịch: Tôi có thể không cần nhắc nhở bạn, nhưng nó rất quan trọng.

151. B

Phân tích: Khi dùng để nói về một hướng dẫn có thứ tự theo thời gian → dùng thì hiện tại hoàn thành → chọn B. Không dùng các thì quá khứ vì hành động chưa hoàn thành.

Tạm dịch: Sau khi bạn hoàn thành nó, vui lòng đưa hóa đơn được ủy quyền đến phòng tài chính.

152. C

Phân tích: Dựa vào nghĩa, ta có since (từ khi, bởi vì), as (bởi vì), while (trong khi, bởi vì) đều là liên từ, cần đi với một mệnh đề, mà sau chỗ trống lại là một cụm danh từ → chọn For.

Tạm dịch: Để chính xác mục đích kế toán, vui lòng giữ cho phòng tài chính luôn cập nhật hoặc bất kì vấn đề thay đổi nào vào cuối năm.

ĐÁP ÁN PART 7

TEST 1

153	C	163	D	173	C	183	B	193	A
154	D	164	A	174	B	184	C	194	A
155	C	165	B	175	A	185	A	195	B
156	D	166	B	176	C	186	B	196	B
157	B	167	A	177	D	187	D	197	C
158	D	168	B	178	B	188	C	198	A
159	D	169	B	179	B	189	A	199	A
160	C	170	D	180	C	190	A	200	D
161	C	171	B	181	D	191	C		
162	A	172	B	182	A	192	A		

TEST 2

153	C	163	D	173	C	183	C	193	D
154	D	164	B	174	D	184	D	194	D
155	C	165	B	175	A	185	B	195	C
156	D	166	A	176	B	186	D	196	B
157	A	167	C	177	D	187	C	197	D
158	D	168	C	178	B	188	D	198	A
159	D	169	A	179	D	189	C	199	A
160	A	170	D	180	C	190	B	200	B
161	D	171	A	181	C	191	C		
162	B	172	D	182	A	192	D		

TEST 3

153	B	163	C	173	C	183	D	193	C
154	B	164	D	174	B	184	C	194	C
155	C	165	B	175	D	185	C	195	B
156	B	166	C	176	C	186	A	196	D
157	A	167	D	177	D	187	A	197	B
158	C	168	A	178	B	188	C	198	A
159	B	169	D	179	B	189	D	199	D
160	C	170	A	180	B	190	C	200	A
161	A	171	C	181	B	191	A		
162	A	172	A	182	D	192	C		

TEST 4

153	A	163	C	173	D	183	A	193	D
154	A	164	C	174	C	184	A	194	B
155	D	165	B	175	B	185	A	195	D
156	C	166	C	176	B	186	D	196	A
157	A	167	C	177	B	187	B	197	B
158	C	168	A	178	D	188	A	198	B
159	C	169	C	179	A	189	B	199	B
160	B	170	C	180	A	190	A	200	A
161	B	171	A	181	C	191	C		
162	A	172	B	182	D	192	D		

TEST 5

153	A	163	D	173	C	183	D	193	D
154	D	164	A	174	B	184	A	194	C
155	B	165	A	175	C	185	A	195	D
156	B	166	D	176	A	186	D	196	D
157	B	167	D	177	C	187	C	197	D
158	B	168	A	178	C	188	A	198	A
159	A	169	C	179	D	189	C	199	A
160	B	170	A	180	D	190	B	200	D
161	A	171	D	181	C	191	B		
162	B	172	B	182	A	192	D		

TEST 6

153	D	163	C	173	A	183	A	193	D
154	B	164	C	174	B	184	D	194	C
155	A	165	D	175	B	185	D	195	B
156	C	166	D	176	C	186	A	196	A
157	D	167	A	177	A	187	B	197	B
158	B	168	B	178	C	188	A	198	A
159	D	169	B	179	C	189	B	199	A
160	A	170	D	180	D	190	B	200	D
161	C	171	A	181	A	191	B		
162	B	172	D	182	B	192	A		

TEST 7

153	A	163	D	173	B	183	A	193	C
154	A	164	D	174	D	184	B	194	A
155	C	165	C	175	C	185	B	195	A
156	C	166	B	176	B	186	A	196	B
157	A	167	C	177	D	187	D	197	C
158	A	168	B	178	C	188	D	198	B
159	B	169	D	179	C	189	A	199	C
160	A	170	D	180	B	190	C	200	C
161	D	171	A	181	D	191	C		
162	C	172	B	182	B	192	C		

TEST 8

153	A	163	B	173	A	183	B	193	B
154	D	164	C	174	B	184	D	194	C
155	B	165	D	175	A	185	C	195	C
156	C	166	B	176	B	186	A	196	D
157	B	167	A	177	D	187	A	197	A
158	A	168	D	178	A	188	B	198	A
159	D	169	C	179	D	189	C	199	C
160	A	170	B	180	B	190	D	200	D
161	C	171	D	181	C	191	A		
162	B	172	D	182	B	192	A		

TEST 9

153	B	163	A	173	B	183	C	193	D
154	A	164	B	174	C	184	A	194	B
155	C	165	A	175	C	185	B	195	C
156	B	166	D	176	B	186	C	196	D
157	D	167	A	177	C	187	A	197	C
158	B	168	A	178	A	188	D	198	D
159	B	169	B	179	B	189	C	199	B
160	C	170	C	180	A	190	C	200	A
161	D	171	B	181	D	191	A		
162	A	172	B	182	A	192	D		

TEST 10

153	A	163	D	173	D	183	B	193	D
154	B	164	D	174	A	184	D	194	A
155	B	165	C	175	D	185	C	195	A
156	A	166	D	176	C	186	B	196	A
157	B	167	D	177	A	187	D	197	D
158	A	168	C	178	C	188	D	198	D
159	D	169	A	179	B	189	D	199	A
160	C	170	A	180	A	190	C	200	C
161	B	171	B	181	A	191	D		
162	A	172	D	182	A	192	C		